



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

Công ty cổ phần Thủy sản Số 1



THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Năm 2014 đi qua là một năm chúng kiến được sự khởi sắc của nền kinh tế nói chung và ngành thủy sản nói riêng. Tổng giá trị hàng hóa quốc nội (GDP) tăng 5,98% so với năm 2013. Các chỉ tiêu tài chính kinh tế vĩ mô đều cho thấy được sự phục hồi và dẫn đi vào ổn định của nền kinh tế. Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước và vượt 12% so với mục tiêu đầu năm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đáng khích lệ, vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định. Tình hình dịch bệnh EMS trong chăn nuôi tôm còn nhiều diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho người chăn nuôi và doanh nghiệp sản xuất. Việt Nam liên tục phải chịu những chính sách thuế và kiểm định chất lượng gắt gao tại các thị trường xuất khẩu thủy sản chính; đồng thời vẫn phải cạnh tranh gắt gao với các nước xuất khẩu thủy sản lớn như Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... Những rào cản nói trên đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành thủy sản nói chung và Seajoco nói riêng.

Đứng trước những khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban điều hành, định hướng và điều phối tình hình hoạt động Công ty, từ đó kiểm soát được kết quả kinh doanh thực tế trong năm. Doanh thu thuần năm 2014 tăng trưởng 16% và lợi nhuận trước thuế tăng 42% so với năm 2013. Seajoco đạt được kết quả đáng khích lệ đó phải kể đến sự đóng góp và công sức của tập thể cán bộ nhân viên toàn Công ty.

Bước sang năm 2015, nắm bắt được tình hình và xu thế chung của ngành thủy sản, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy sản Số 1 đề ra những giải pháp, chiến lược phù hợp nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển vượt bậc trên mọi phương diện. Với uy tín thương hiệu trong nước và cả các thị trường xuất khẩu khó tính trên thế giới, Seajoco tiếp tục tận dụng kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực chế biến và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ nguyên liệu thủy sản. Công ty cổ phần Thủy sản Số 1 hy vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông, cùng chung tay vì một mục đích chung là ngày càng đưa Seajoco phát triển lên tầm cao mới.

Xin chân thành kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng cũng như toàn bộ tập thể cán bộ nhân viên Công ty nhiều sức khỏe và thịnh vượng.

Trân trọng!

Trần Văn Hậu - Chủ tịch Hội đồng quản trị



NỘI DUNG

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



NỘI DUNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKH và BKS



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán
Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



✚ **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

✚ **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0302047389 (Số cũ: 4103000113) cấp lần đầu vào ngày 10/07/2000, và thay đổi lần thứ 14 vào ngày 24 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

✚ **Vốn điều lệ:** 55.832.000.000 đồng

✚ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 55.832.000.000 đồng

✚ **Địa chỉ:** 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp.HCM

✚ **Số điện thoại:** (08) 3974 1135 - 3974 1136

✚ **Số fax:** (08) 3974 1280

✚ **E-mail:** info@seajoco.vn

✚ **Website:** www.seajoco.vn

✚ **Mã cổ phiếu:** SJ1

Công ty được thành lập với tên
thân là Xi nghiệp Mặt Hàng Mới
hay Factory No 1.

Xi nghiệp Mặt Hàng Mới được cổ phần hóa và đổi
tên thành CTCP Thủy Sản Số 1. Vốn điều lệ ban đầu
là 20 tỷ đồng.

Chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành Phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SJ1.
Đây là một bước tiến mới trong việc đại chúng và
quảng bá hơn nữa thương hiệu của SJ1.

1988

2000

2006



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng. Đây là lần đầu tiên Công ty tăng vốn điều lệ và đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình tăng quy mô, mở rộng hướng đầu tư để giúp công ty phát triển bền vững hơn.

Chuyển niêm yết sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để phù hợp với quy định Nhà nước.

Tăng vốn điều lệ lên 55.832.000 đồng bằng việc chào bán cổ phần ra công chúng.

Tăng vốn điều lệ lên 38,5 tỷ đồng bằng việc chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu

2007

2009

2012

2014



CÁC THÀNH TÍCH, GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Tên	Nội dung
Chứng nhận DL01	Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU
Chứng nhận ISO 9001:1998	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 1998
Chứng nhận ISO 9001:2000	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000
Chứng nhận ISO 22000:2005	Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 2200 phiên bản 2005
Chứng nhận HALAL	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL
Chứng nhận BRC	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu – BRC (Tiêu chuẩn của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc)
Chứng nhận HACCP	Hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn

Năm	Thành tích đạt được
Năm 1992	CTCP Thủy Sản Số 1 vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1989 – 1991.
Năm 1998	CTCP Thủy Sản Số 1 vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.
Năm 2002 - 2008	Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi “Giỏi việc nước – Đảm việc nhà”.
Năm 2004 -2005 -2007	Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.
Năm 2006	Cúp vàng thương hiệu hội nhập.
Năm 2006	Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua “Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động” 10 năm (1996 – 2006).
Năm 2003 - 2012	Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.
Năm 2013	Nhận bằng khen của Tổng LĐLĐVN cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi & xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.
Năm 2014	Nhận bằng khen của Ban CHCĐNN & PTNT Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao & Cờ Tổng LĐLĐVN cho tập thể.

NGÀNH NGHỀ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.



Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



Lắp đặt hệ thống điện;
Xây dựng nhà các loại;
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.



Chế biến và bảo quản rau quả;
Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.



Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

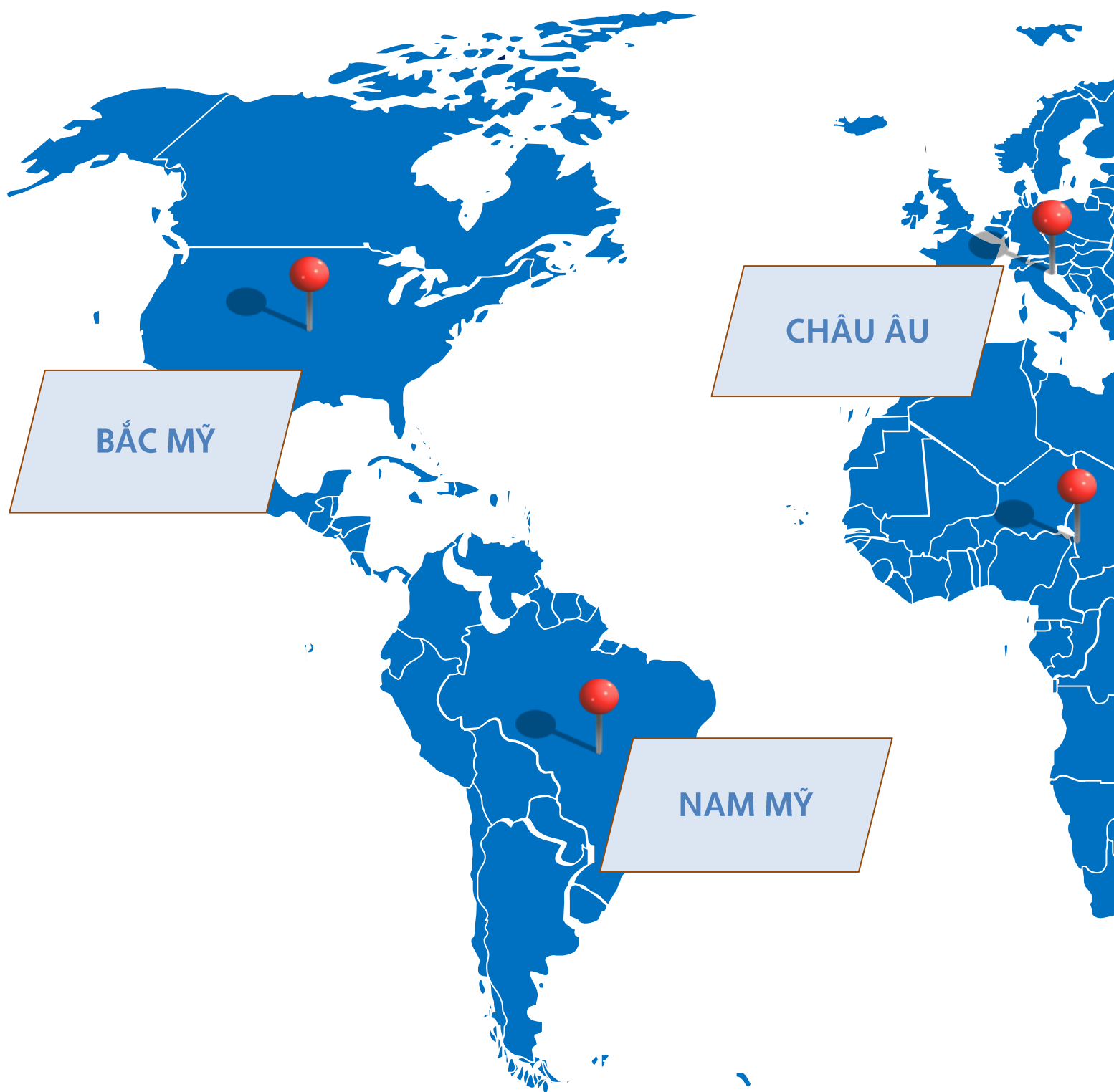


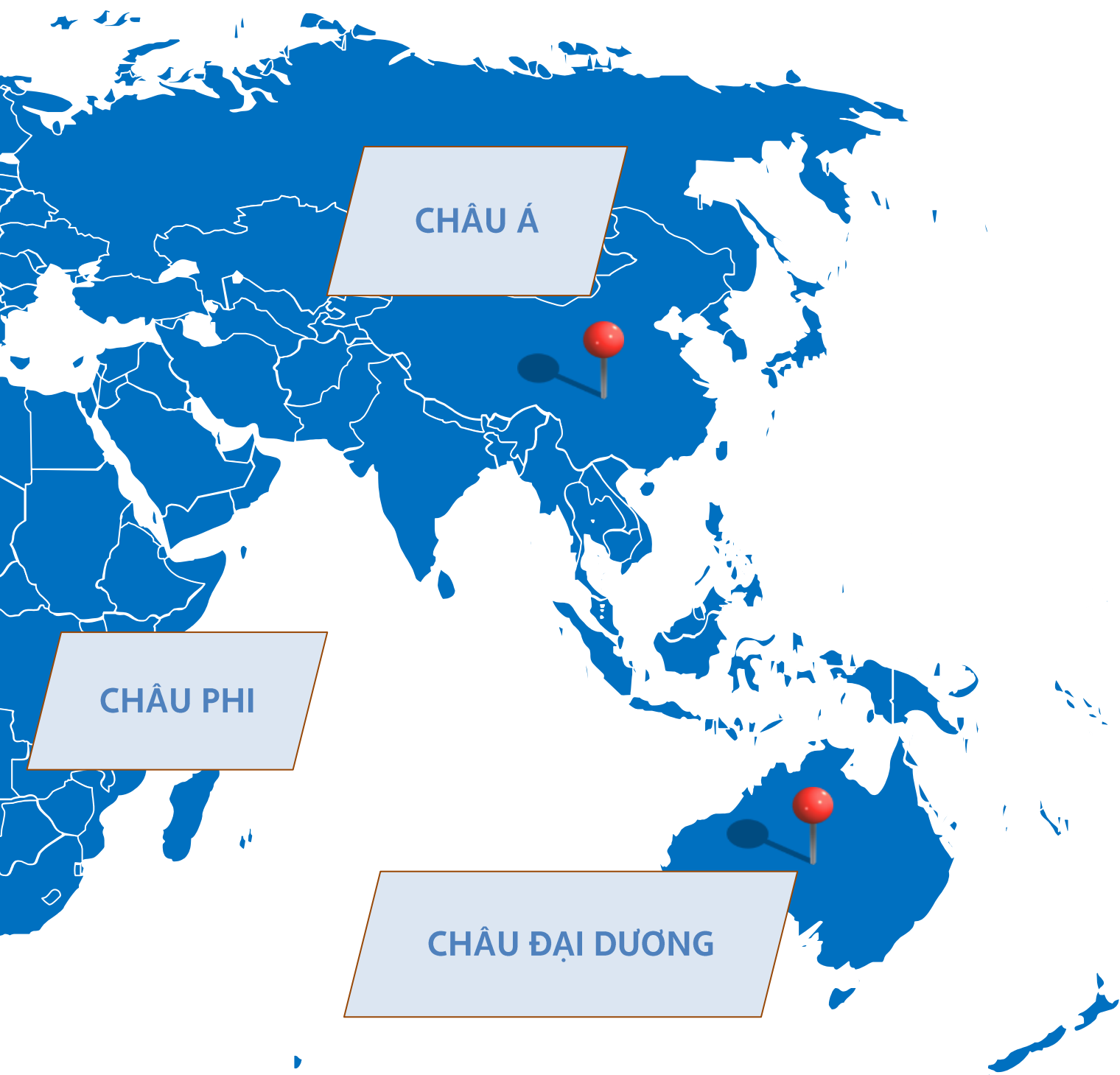
Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).



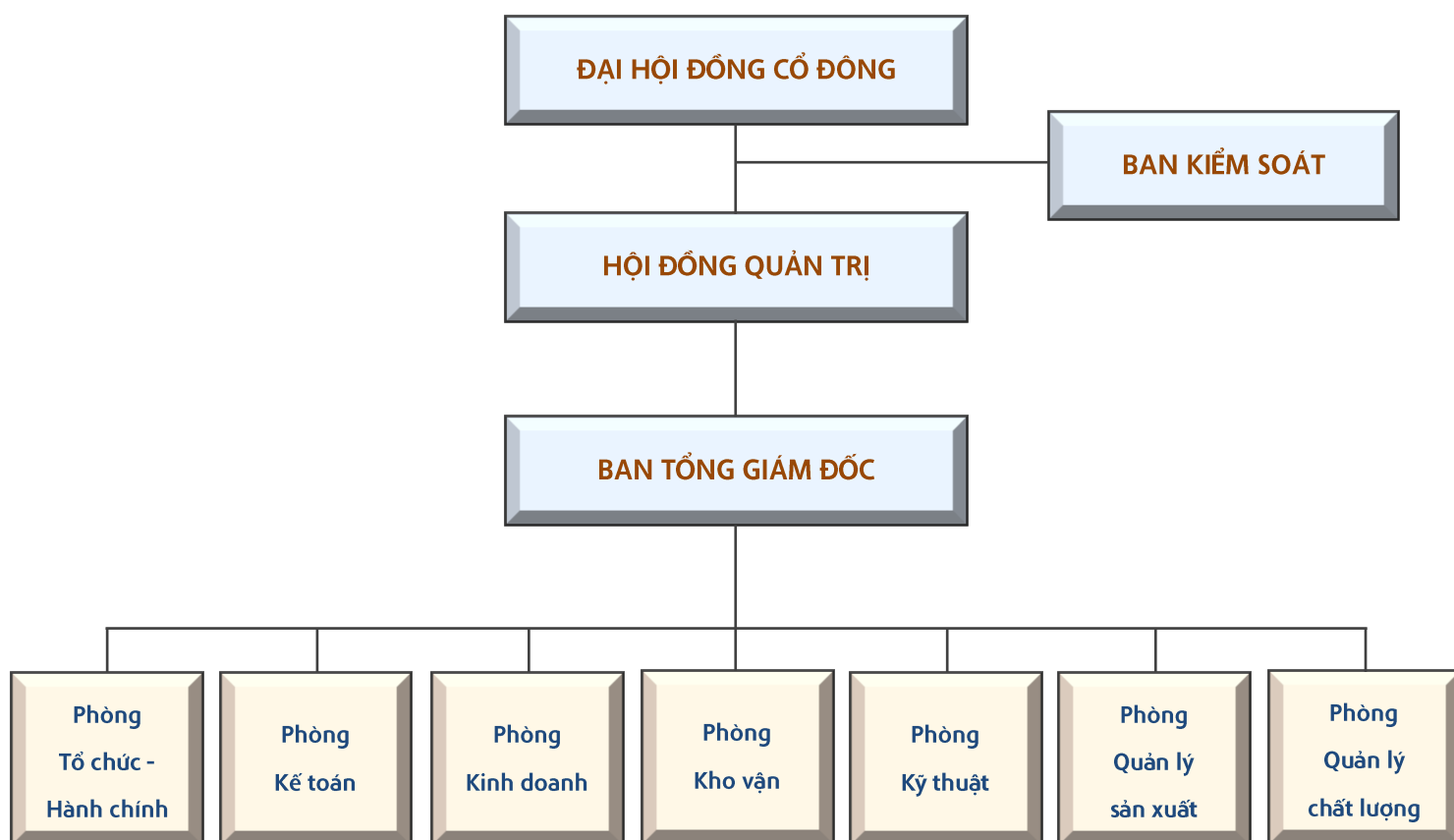
Bán buôn tổng hợp;
Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính.







MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ



"Chiến lược phát triển của công ty là dựa trên những giá trị nền tảng và cơ bản để từ đó làm bệ phóng nâng lên tầm thế giới. Công ty luôn chú trọng công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường."

Sản phẩm kinh doanh, xuất khẩu

Với tiềm năng phát triển ngày một mạnh mẽ của ngành thủy sản, Công ty không ngừng mở rộng thêm quy mô, thị phần, từng bước đưa thêm các dự án mới vào hoạt động cũng như đóng góp vào sự phát triển ngành.

Công ty luôn chú trọng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm tinh chế được chế biến, đóng gói sẵn rất tiện ích khi tiêu thụ trực tiếp tại các nhà hàng, siêu thị nước ngoài. Bên cạnh đó, đa dạng hóa thêm các mặt hàng sản xuất, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất, mở rộng thị trường giúp các nhà xưởng, máy móc thiết bị của các nhà máy và các nguồn lực khác như đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành đạt được hiệu suất làm việc tối đa.



Sản phẩm kinh doanh nội địa

Với việc không ngừng đổi mới mình, Công ty luôn chú trọng đa dạng hóa mặt hàng, nghiên cứu sản phẩm phù hợp thị hiếu tiêu dùng trong nước, nghiên cứu giảm giá thành, ổn định chất lượng để đạt mục tiêu doanh thu cho thị trường nội địa chiếm 20% tổng doanh thu trong 5 năm tới.

Tiếp cận các chuỗi hệ thống nhà hàng và hệ thống khách sạn cao cấp nhằm tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm giá trị gia tăng.

Tiếp thị

Luôn giữ vững thương hiệu và tạo dựng vị thế của Công ty giữa các công ty trong ngành chế biến thủy hải sản nói chung và thị trường tiêu thụ nói riêng với những sản phẩm đặc trưng cùng sản phẩm mới.

Gia tăng thương mại, tìm kiếm các thị trường tiềm năng với những đối tác mới, duy trì sự tin nhiệm với các khách hàng truyền thống ở các thị trường Nhật, EU.

Giữ vững thương hiệu và uy tín đối với khách hàng bằng việc đảm bảo giao hàng đúng tiến độ và chất lượng sản phẩm ổn định.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Hoạt động kinh doanh

Đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc mua lại nhà máy chế biến cá basa có công suất 60 tấn/ngày và xây dựng thêm nhà xưởng trên cơ sở hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược.

Tại thị trường nước ngoài, đưa vào khai thác và phát triển sản phẩm mới là cá minh thái. Là sản phẩm xuất xứ tại nguồn nước lạnh như ở Nga, Alaska, v.v.. nhằm đáp ứng nhu cầu rất lớn sản phẩm này trên thị trường thế giới.

Tại thị trường nội địa, kết hợp cùng CTCP Phát triển Hùng Hậu giới thiệu đến thị trường dòng sản phẩm mang thương hiệu “Happy Food” thông qua các siêu thị, đại lý phân phối, nhà hàng, cửa hàng thức ăn nhanh, v.v... nhằm gia tăng doanh thu và tăng trưởng lợi nhuận.

Nhân lực

Thúc đẩy sự sáng tạo, gia tăng khả năng làm việc của người lao động bằng chính sách chế độ đãi ngộ, lương thưởng hợp lý.

Thành lập bộ máy quản trị và điều hành Công ty tinh gọn hiệu quả, tiết kiệm chi phí quản lý nhưng vẫn duy trì nhu cầu hoạt động cần thiết của doanh nghiệp, quy chuẩn hóa các chức danh để bố trí nhân lực phù hợp.

Tổ chức các cuộc thi nâng bậc thường niên để điều chỉnh và sắp xếp bậc lương phù hợp. Đào tạo, huấn luyện giúp công nhân nâng cao tay nghề, năng suất làm việc.

Thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động bên ngoài, thi đua phong trào trong sản xuất nhằm giảm bớt áp lực công việc giúp người lao động sáng tạo, nâng cao năng suất làm việc và tiết kiệm trong sản xuất nhằm thúc đẩy thêm hiệu quả kinh doanh của công ty và thu nhập người lao động.

Tài chính

Cùng với việc mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển, Công ty cần huy động vốn trên thị trường bằng việc phát hành thêm cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Duy trì sự ổn định và bền vững tình hình tài chính trong tương lai.

Khai thác nguồn lợi từ nguồn vốn vay lãi suất thấp để đầu tư phát triển và thực hiện các dự án mới.

Xã hội và cộng đồng

Với nhận thức phải luôn có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, bên cạnh các định hướng về phát triển trong kinh doanh, Công ty còn chú trọng các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng như thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người nghèo ở phường Tân Phú Trung, Tân Phú và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo trên địa bàn phường Phú Trung, Tân Phú với tổng giá trị gần 60 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty cũng phối hợp với các đơn vị khác tham gia các hoạt động thiện nguyện như tổ chức vui trung thu cho Mái ấm Thiện Duyên, tổ chức chương trình Ấm áp mùa Giáng sinh 2014 tại mái ấm Tâm Đức.

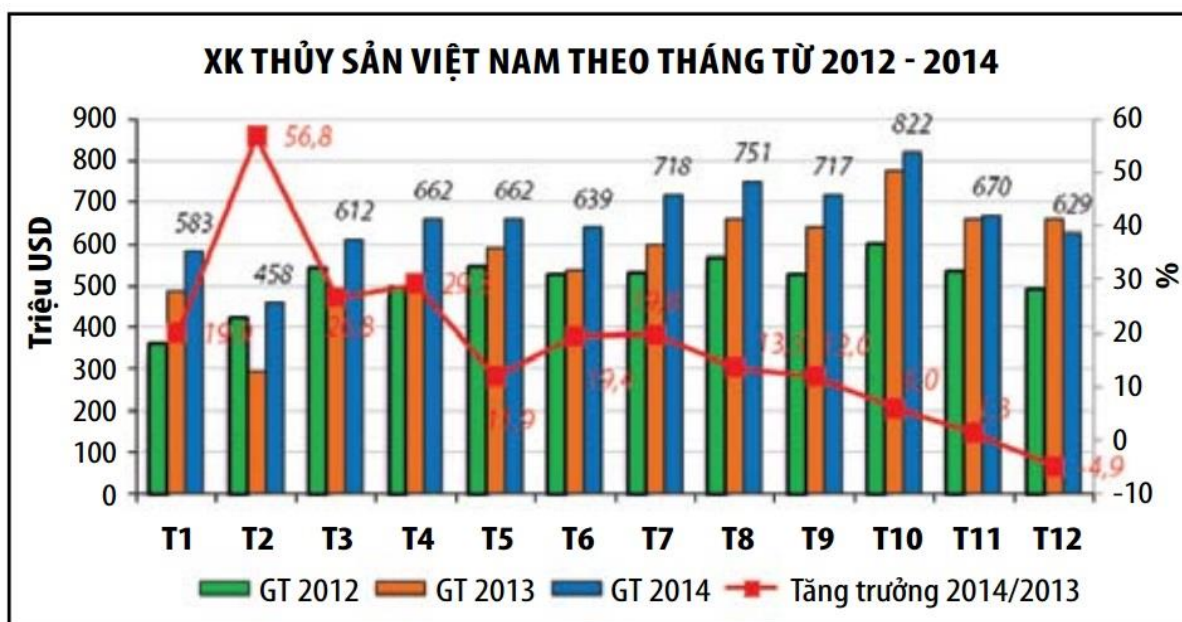
Hoạt động xã hội trong năm 2014

Nội dung	Số tiền	Ngày chi
Hỗ trợ 50 phần quà chăm lo tết 2014 cho các hộ nghèo phường Phú Trung	10.000.000	13/01/2014
Hỗ trợ cho phường Phú Trung	5.000.000	12/03/2014
Mua vé ủng hộ đêm văn nghệ gây quỹ giúp đỡ người nghèo của hội chữ thập đỏ quận Tân Phú	240.000	21/05/2014
Hỗ trợ hộ nghèo trên địa bàn phường Phú Trung	40.000.000	28/05/2014
Chương trình vui trung thu, sẻ chia yêu thương tại Mái ấm Thiện Duyên, Củ Chi	5.000.000	06/09/2014
Chương trình ấm áp mùa Giáng sinh 2014 tại mái ấm Tâm Đức	15.000.000	20/12/2014



Rủi ro kinh tế

Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam tuy đã dần đi vào ổn định nhưng vẫn còn nhiều biến động. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thể hiện đà tăng trưởng được duy trì và phục hồi rõ rệt. Theo số lượng của Tổng cục thống kê, tổng giá trị hàng hóa quốc nội (GDP) tăng 5,98% so với năm 2013. Ngành thủy sản Việt Nam trong năm có nhiều chuyển biến tích cực, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản tăng 16,5% so với năm 2013 và vượt 12% so với mục tiêu 7 tỷ USD đặt ra đầu năm. Xuất khẩu thủy sản tăng mạnh trong 8 tháng đầu năm, nhưng bắt đầu tăng chậm lại từ tháng 9 và thậm chí giảm gần 5% trong tháng 12. Nguyên nhân chủ yếu là do tôm chiếm đến 50% tổng sản lượng xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên từ tháng 09/2014, từ sau khi có kết quả thuế CBPG POR8 do DOC Hoa Kỳ, các doanh nghiệp tôm Việt Nam bị áp mức thuế cao nhất từ trước đến nay. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Seajoco là hoạt động xuất khẩu, bất cứ biến động nào của nền kinh tế nói chung, hay những thay đổi tại các thị trường xuất khẩu chính đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình hoạt động của Công ty.



Rủi ro từ vấn đề vệ sinh thực phẩm

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản trong việc nhập khẩu ở các nước tiêu thụ lớn như Nhật, Mỹ, EU, v.v...luôn tồn tại nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp Việt Nam. Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu trong đó với những quy định hồ sơ, thủ tục mới trong việc cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản vẫn phần nào ảnh hưởng và gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về lãi suất

Hầu hết các doanh nghiệp thủy sản trong nước có tỷ lệ nợ vay chiếm tỷ trọng cao trên tổng tài sản do nhu cầu đảm bảo đủ vốn lưu động trong kinh doanh. Mặt bằng lãi suất năm 2014 giảm trung bình 1,5% đến 2% so với thời điểm cuối năm 2013. Cụ thể lãi suất cơ bản được giữ ở mức 9%/năm, lãi suất tái cấp vốn ở mức 6,5% và lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 4,5%/năm. Tương tự với lãi suất cho vay và huy động cũng giảm ở mức 1,5% đến 2% so với năm 2013. Đối với một doanh nghiệp chỉ sử dụng nợ ngắn hạn như Seajoco, mức lãi suất 7-9%/năm là mức ổn định và phù hợp. Nhìn chung, xu hướng lãi suất giảm và ổn định trong suốt năm 2014 đã góp phần hỗ trợ tốt cho các mặt hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong nhiều năm liền, Seajoco vẫn luôn nằm trong danh sách các doanh nghiệp có tỷ lệ sử dụng nợ thấp hơn so với các doanh nghiệp thủy sản trong ngành khác. Với ưu thế này, việc quản trị rủi ro về lãi suất của Seajoco dễ dàng hơn, giảm thiểu được những ảnh hưởng tiêu cực từ thay đổi lãi suất đến hoạt động kinh doanh.



Rủi ro nguồn tôm nguyên liệu

Theo thống kê của Tổng cục thủy sản, tình hình dịch bệnh trên các đối tượng thủy sản quan trọng, đặc biệt là tôm nuôi nước lợ vẫn là mối lo lớn cho người nuôi tôm và các doanh nghiệp. Dù người nuôi tôm và doanh nghiệp đã biết cách phòng tránh dịch bệnh EMS, nhưng vẫn chưa thể hoàn toàn kiểm soát được. Với nhu cầu sử dụng tôm giống nguyên liệu lớn, Công ty đã phải lên kế hoạch chi tiết và liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để nâng cao khả năng quản lý, kiểm dịch tôm giống hiện nay đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý.

Rủi ro về khả năng cạnh tranh

Thuế chống bán phá giá tôm sang thị trường Mỹ ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Đợt xem xét hành chính POR8 DOC của Hoa Kỳ đã áp mức thuế CBPG tôm Việt Nam cao nhất từ trước đến nay, ảnh hưởng nặng nề đến các doanh nghiệp xuất khẩu tôm và giá tôm nguyên liệu trong nước. Bên cạnh đó, Mỹ cũng áp dụng mức thuế chống bán phá giá cá basa POR10 đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Cách tính thuế bất hợp lý như vậy của Mỹ dẫn đến những bất lợi trong khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, làm ảnh hưởng việc cân bằng tài chính của các doanh nghiệp. Tuy Mỹ không phải là thị trường xuất khẩu chính của Seajoco, tuy nhiên trong tương lai nếu các chính sách này còn áp dụng, doanh nghiệp có thể vướng phải những rào cản nếu muốn xâm nhập vào thị trường này. Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam ở thị trường EU cũng gặp bất lợi vì thị trường này ngày càng khắt khe hơn với các quy định ATVS thực phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong thời gian tới sẽ chuyển hướng nắm bắt cơ hội ở thị trường Nga. Do lệnh cấm nhập khẩu của Nga đối với thủy sản các nước Mỹ, Na Uy, Australia, Nhật và EU kéo dài đến tháng 07/2015, Việt Nam có điều kiện tốt xâm nhập lại vào thị trường này, đặc biệt là mặt hàng cá tra sau khi bị tạm ngừng từ tháng 01/2014. Ngoài mảng xuất khẩu, Seajoco vẫn gặp nhiều cạnh tranh ở thị trường nội địa và luôn áp lực phải thường xuyên nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hóa giá thành.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	TH 2014 so với KH 2014	TH 2014 so với TH 2013
Doanh thu xuất khẩu	238.626	404.950	249.207	62%	104%
Doanh thu nội địa	136.207	-	184.440	-	135%
Doanh thu thuần	374.833	404.950	433.648	107%	116%
Lợi nhuận trước thuế	11.235	14.799	15.906	107%	142%
Lợi nhuận sau thuế	8.220	11.543	12.358	107%	150%
Cổ tức	17%/năm	10% - 12%/năm	-	-	-

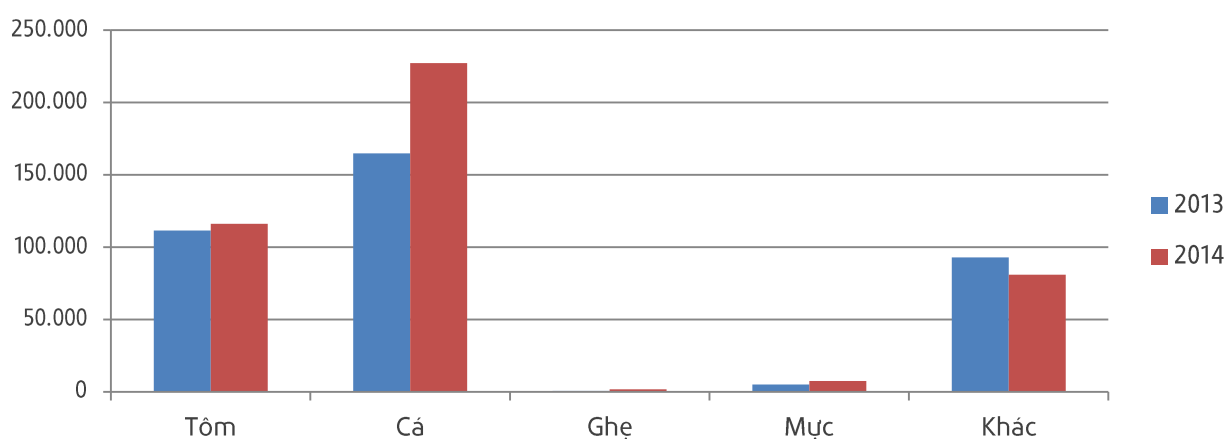
Năm 2014, tình hình ngành thủy sản Việt Nam bước đầu có những chuyển biến tích cực, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước ổn định và phát triển. Có thể thấy, kết quả kinh doanh của SJ1 khá tích cực khi tổng giá trị doanh thu thuần và lợi nhuận trong năm đều vượt kế hoạch đề ra 7%. Doanh thu thuần năm 2014 đạt 433 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2013. Lợi nhuận trước thuế tăng 42% so với năm 2013, cao hơn rất nhiều so với mức tăng của doanh thu là tín hiệu đáng mừng

cho tình hình hoạt động của Seajoco, cho thấy doanh nghiệp đã hoạt động hiệu quả, kiểm soát tốt giá thành nguyên liệu, các loại chi phí quản lý và bán hàng. Nguyên nhân doanh thu từ hoạt động xuất khẩu không đạt kế hoạch là do ảnh hưởng của những diễn biến phức tạp tại các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là Mỹ và EU. Tuy nhiên, trong tình trạng chung của xuất khẩu thủy sản 2014, Seajoco vẫn nằm trong danh sách các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong năm 2014.

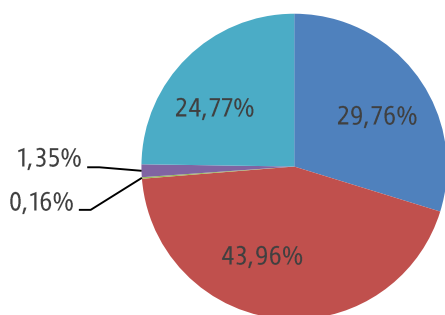


Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tôm	111.558	29,76%	116.167	26,79%
Cá	164.785	43,96%	227.086	52,37%
Ghẹ	595	0,16%	1.829	0,42%
Mực	5.067	1,35%	7.553	1,74%
Khác	92.828	24,77%	81.013	18,68%
Tổng cộng	374.833	100%	433.648	100%

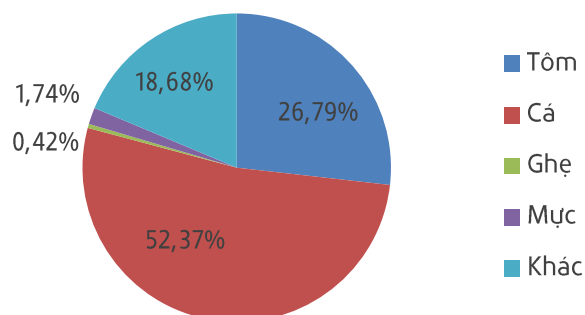
Đơn vị tính: triệu đồng



2013



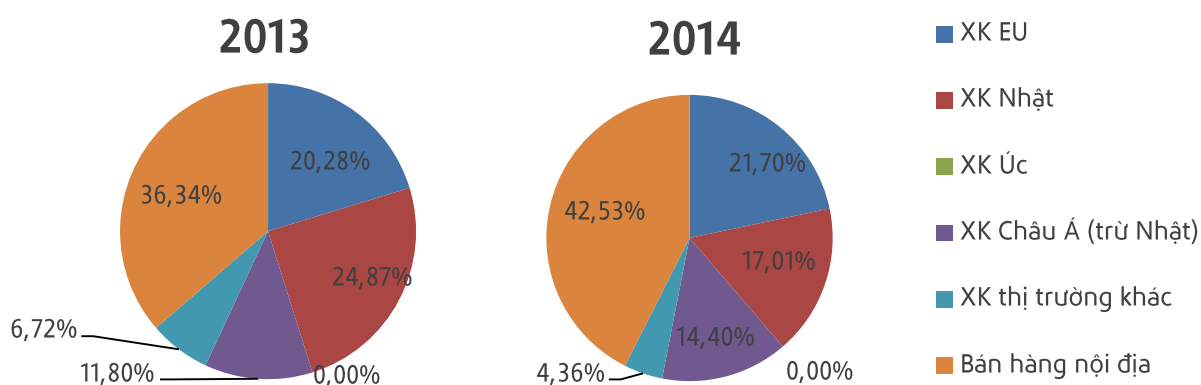
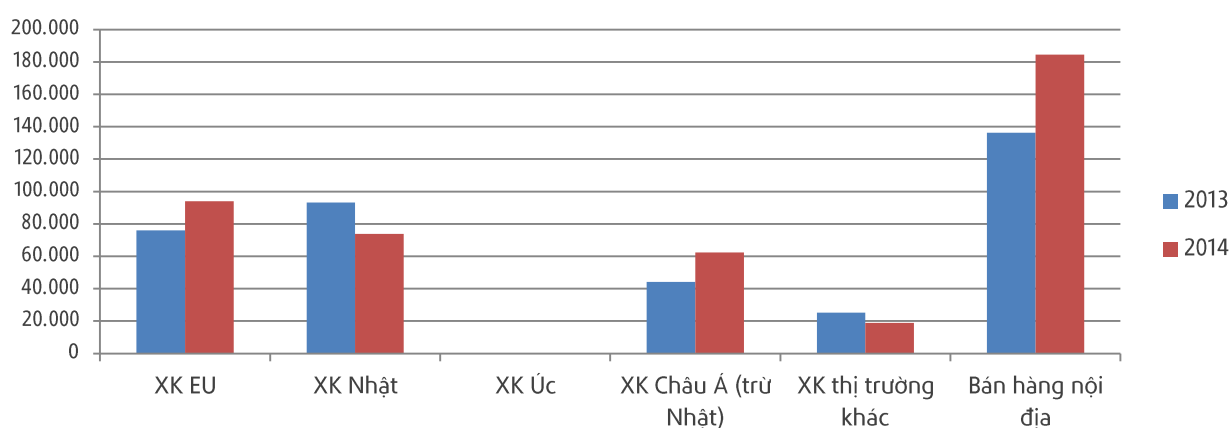
2014



Hai mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của Seajoco là tôm và cá vẫn giữ tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu. Tuy nhiên, do trở ngại về vấn đề thuế tôm từ tháng 09/2014, tỷ trọng tôm giảm nhẹ so với năm 2013. Các mặt hàng cá tăng lên cả về giá trị và tỷ trọng, đạt 227 tỷ đồng, chiếm 52% tổng giá trị của Công ty. Các đối thủ của Việt Nam là Thái Lan và Trung Quốc năm nay tiếp tục bị giảm 50% sản lượng là cơ hội tốt cho tôm Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường. Tuy nhiên, theo đánh giá của các nhà nhập khẩu, so với Ấn Độ và Indonesia, tôm Việt Nam vẫn kém cạnh tranh hơn về sự ổn định nguồn cung. Bên cạnh đó, Việt Nam khó cạnh tranh với Indonesia trên thị trường Mỹ khi nước này không bị áp thuế CBPG, trong khi Việt Nam cùng với Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan đang bị áp thuế cao. Tại một số thị trường, ngoài cá tuyết, cá minh thái ra, thì cá rô phi cũng đang rất được ưa chuộng; điều đó làm đa dạng hơn danh mục các loại cá doanh nghiệp có thể xuất khẩu ra nước ngoài. Ghẹ và mực tuy không chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp, tuy nhiên cả hai mặt hàng này đều tăng lên về giá trị trong năm.

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DT từ xuất khẩu	238.626	63,66%	249.207	57,47%
- EU	76.021	20,28%	94.095	21,70%
- Nhật	93.209	24,87%	73.763	17,01%
- Úc	0	0,00%	0	0,00%
- Châu Á (trừ Nhật)	44.221	11,80%	62.458	14,40%
- Khác	25.175	6,72%	18.891	4,36%
DT từ bán hàng nội địa	136.207	36,34%	184.440	42,53%
DT khác				
Tổng cộng	374.833	100%	433.648	100%

Đơn vị tính: triệu đồng



Công ty vẫn tiếp tục khai thác thị trường chủ yếu tại các nước EU. Tình hình chung của xuất khẩu Việt Nam sang các nước EU tăng 21% so với năm 2013, với 5 thị trường lớn nhất là Đức, Hà Lan, Pháp, Italy và Bỉ. Các mặt hàng tôm và cá xuất khẩu sang EU đều tăng trong năm 2014. Xuất khẩu sang thị trường Nhật bản giảm cả về giá trị và tỷ trọng. Việc Nhật Bản quy định kiểm tra oxytetracycline (oTc) đối với 100% lô tôm xuất khẩu của Việt Nam cũng ảnh hưởng đến xuất khẩu tôm sang thị trường này. Ngoài ra, việc đồng Yên Nhật mất giá cũng là một nguyên nhân khiến cho các nhà nhập khẩu Nhật Bản giảm nhập hàng. Thị trường Châu Á, với các nước như Hàn Quốc, Hongkong – Trung Quốc cũng tương đối tăng nhập khẩu từ Việt Nam. Thị trường bán hàng nội địa trong năm tăng lên so với cùng kỳ là một biện pháp trong chiến lược kinh doanh của Công ty, để ổn định và cân bằng lại tình hình hoạt động trong điều kiện hoạt động xuất khẩu diễn biến bất thường.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ông Trần Văn Hậu – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1981
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Từ 2004 – 2005: Làm việc tại Công ty Sản xuất Thương Mại Toàn Phát. Từ 2005 – 2006: Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Tô Châu. Từ 2006 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hùng Cá. Từ 2010 – 7/2011: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Sản Số 1. Từ 07/2011 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty CP Thủy Sản Số 1. Từ 04/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu. Từ 11/2012 – nay: Chủ tịch HĐQT Trường Đại Học Văn Hiến.
Số cổ phần nắm giữ	1.357.015 cổ phần, chiếm 24,31% Vốn điều lệ.

Ông Ngô Đức Dũng – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện công nghiệp
Quá trình công tác	Từ 1994 – 07/2000: Trưởng phòng Kỹ thuật điện Xí Nghiệp Mặt Hàng Mới thuộc Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam. Từ 07/2000 – 01/2008: Phó Giám đốc KT - CĐL Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 01/2008 – 08/2011: Phó Tổng Giám đốc KT - CĐL Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 04/2007 – 04/2010: Thành viên HĐQT Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 09/2011 – 03/10/2013: Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 05/2010 – nay: Phó chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 11/2013 – 8/2014: Giám Đốc Kỹ Thuật Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 08/2014 – nay: Cố vấn Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	1.138.575 cổ phần, chiếm 20,39% Vốn điều lệ.

Ông Trần Đức Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1972
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Từ 1995 – 2000: Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola. Từ 2001 – 2006: Công ty TNHH P&D. Từ 2006 – 2007: Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola. Từ 2007 – 2008: Công ty Cổ phần chứng khoán Phú Gia. Từ 2008 – 2009: Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola. Từ 2009 – 11/2011: Trợ lý CEO - Công ty TNHH Hùng Cá. Từ 5/2011 – nay: Phó Tổng Giám Đốc - Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hùng Hậu. Từ 5/2011 – 9/2011: Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực - Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 7/2011 – 6/2014: Người được ủy quyền Công bố thông tin tại SJ1. Từ 10/2011 – 11/2012: Giám Đốc Kinh Doanh Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 10/2011 – nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 11/2012 – 10/2013: Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực - Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 12/2012 – nay: Thành viên HĐQT – Trường ĐH Văn Hiến. Từ 10/2013 – 06/2014: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 06/2014 – 03/2015: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ Phần Thủy Sản Hùng Hậu. Từ 08/2014 – nay: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Hoàn Mỹ. Từ 12/2014 – nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ Phần Phát Triển Bóng Đá Đồng Tháp.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần.

Ông Nguyễn Tấn Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1958
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	1987: Kế toán trưởng Tổng đội 6 (Dakmil), Lâm trường Thanh niên 1988: Kế toán trưởng sau đó là Trưởng Phòng Kinh Doanh TNXP 3 thành phố: TP.HCM – Hà Nội – Hải Phòng. 1993: Giám đốc Xi nghiệp TRASECO (Getranimex)/Bộ GT – VT; Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế (ME) tại trường Đại học Kinh tế Tp.HCM. 1997: Học tập trung tại Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright (Viện quốc tế phát triển Harvard – HIID (nay thuộc trường Harvard Kennedy, Hoa Kỳ). 1998: Giám Đốc INCOMEX (Getranimex)/Bộ GT – VT. 2003: Chuyển về Trường Đại Học Mở Tp.HCM, lần lượt các chức vụ: Trưởng phòng Kế Hoạch – Tài Chính, Giám Đốc Trung Tâm CPA, Nghiên cứu khoa học và tham gia giảng dạy các lớp Thạc sĩ: Tài chính, Quản trị kinh doanh. 2007: Nhận bằng Tiến sĩ (DAB) tại Đại Học Southern California, Hoa Kỳ. Từ 2010 – nay: Kiêm nhiệm Viện Phó Viện Nghiên Cứu Khoa Học Lãnh Đạo và Quản Trị Doanh Nghiệp/ Hiệp Hội Doanh Nghiệp TPHCM. Từ 2012 – nay: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến. Từ 04/2012 – nay: Thành viên HĐQT Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần.

Ông Tôn Thất Diên Khoa – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1974
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác	Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên phòng kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP.HCM. Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP.HCM. Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP.HCM. Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TM CP Xuất nhập khẩu VN, TPHCM. Từ 07/2006 - nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TM CP Xuất nhập khẩu VN, TPHCM. Từ 03/2008 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC. Từ 05/2010 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần.

Bà Đinh Thị Bích Hà – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1986
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Từ 08/2008 – 07/2009: Nhân viên Kinh Doanh – Công ty TNHH ĐT Hoàn Châu. Từ 08/2009 – 05/2010: Nhân viên Kinh Doanh – Công ty TNHH Hùng Cá. Từ 05/2010 – 11/2012: Trưởng phòng Mua Hàng – Công ty TNHH Hùng Cá. Từ 11/2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Kim. Từ 04/2012 – nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 04/2013 – 01/2014: Giám đốc kinh doanh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 01/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần.

Ông Từ Thanh Phụng – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác	Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (Cuulong Seapro) Từ 2007 – 2010: Học Thạc Sĩ Tài Chính – Kế Toán tại Mỹ Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1 Từ 04/2014 – nay: Thành viên HĐQT Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1 Từ 06/2014 – nay: Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Huỳnh Thanh – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Kế toán
Quá trình công tác	Từ 2001 – 12/2005: Kế Toán Trưởng Công Ty TNHH TM Mỹ Anh. Từ 01/2006 – 05/2011: Quản Lý Nhóm Công Ty TNHH Tư Vấn Kiểm Toán A&C. Từ 06/2012 – nay: Kế Toán Trưởng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hùng Hậu. Từ 04/2014 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần.

Bà Lại Thị Giáo – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1968
Trình độ chuyên môn	Trung cấp thủy sản
Quá trình công tác	Từ 1986 – 1990: Học tại Trường Trung Cấp Thủy Sản. Từ 1991 – nay: Công tác tại Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 06/2010 – nay: Chủ tịch Công đoàn Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 06/2011 – 08/2014: Phó phòng Tổ chức hành chính Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 04/2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công Ty CP Thủy Sản Số 1. Từ 08/2014 – nay: Trưởng Bộ phận Tổng vụ Phòng Tổ chức hành chính Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	300 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ.

Ông Trần Văn Thắng – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế biến thực phẩm
Quá trình công tác	Từ 1998 – 2003: Học Trường Đại học Thủy sản cơ sở TPHCM. Từ 03/2004 – 06/2007: Nhân viên QC - Công ty cổ phần thủy sản số 1. Từ 07/2007 – 09/2013: Phó Quản Đốc - Công ty cổ phần thủy sản số 1. Từ 10/2013-12/2014: Chuyên viên Quản lý sản xuất- Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu. Từ 01/2015- nay: Quản đốc – Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Hậu. Từ 09/2013 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Công ty cổ phần thủy sản số 1.
Số cổ phần nắm giữ	2.290 cổ phần, chiếm 0,04% Vốn điều lệ.



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Từ Thanh Phụng – Tổng giám đốc

Xem phần lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Đinh Thị Bích Hà – Phó Tổng Giám đốc

Xem phần lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Tô Thị Kim Thịnh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Hóa sinh
Quá trình công tác	Từ 1988 - 1998: Nhân viên KCS CTCP Thủy sản số 1. Từ 1998 - 2000: Trưởng phòng KCS CTCP Thủy sản Số 1. Từ 2000 – 2008: Phó Giám Đốc Sản Xuất Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1 Từ 2008 – 10/2011: Phó Tổng Giám Đốc Sản Xuất Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1 Từ 10/2011 – 01/2014: Giám Đốc Sản Xuất Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 01/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	10.500 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ.

Bà Du Thiện Minh Trang

Năm sinh	1984
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Từ 05/2010 – 12/2012: Nhân viên Kế toán - Công ty TNHH Hùng Cá. Từ 12/2012 – 02/2014: Nhân viên Tính giá Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 02/2014 – 05/2014: Nhân viên Kế toán Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hùng Hậu. Từ 05/2014 – 06/2014: Nhân viên Kế toán tổng hợp Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. Từ 06/2014 – nay: Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số cổ phần nắm giữ	260.360 cổ phần, chiếm 4,66% vốn điều lệ.



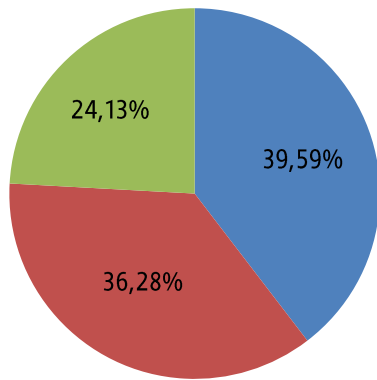
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	634	100%
1	Trên Đại học	3	0,47%
2	Đại học	47	7,41%
3	Cao đẳng	29	4,57%
4	Khác	555	87,54%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	634	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	251	39,59%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	230	36,28%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	153	24,13%

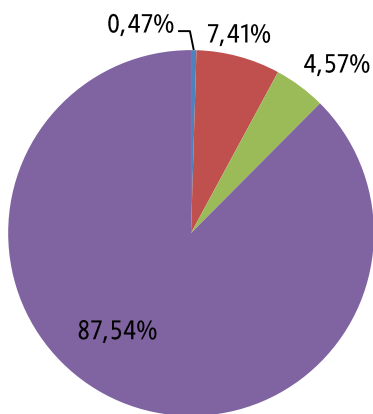
Đơn vị tính: đồng/người/tháng

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2011	3.678.752
2	2012	4.952.646
3	2013	5.036.905
4	2014	5.543.366





- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)



- Trên Đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Khác

Chính sách dành cho người lao động

Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về HACCP, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên.

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên với những chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì chính sách thưởng đột xuất, chính sách thưởng hàng kỳ cho cá nhân và tập thể căn cứ vào những thành tích nỗ lực hoàn thành công việc, năng suất lao động cao, thực hành tiết kiệm và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.

Thực hiện đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định pháp luật. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể.



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI CƠ CẤU NHÂN SỰ TRONG NĂM

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đinh Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc	22/01/2014	
2	Tô Thị Kim Thịnh	Phó Tổng giám đốc	22/01/2014	
3	Từ Thanh Phụng	Tổng Giám Đốc	16/06/2014	
4	Dư Thiện Minh Trang	Kế Toán Trưởng	16/06/2014	
5	Trần Đức Dũng	Tổng Giám Đốc	04/10/2013	16/06/2014
6	Huỳnh Minh Tâm	Kế Toán Trưởng	02/01/2014	16/06/2014
7	Từ Thanh Phụng	Thành viên HĐQT	26/04/2014	
8	Từ Thanh Phụng	Trưởng Ban Kiểm Soát	28/04/2012	26/04/2014
9	Huỳnh Thanh	Trưởng Ban Kiểm Soát	26/04/2014	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm, Seajoco chủ yếu đầu tư mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đổi mới, hoàn thiện cơ sở vật chất tại Công ty, tổng giá trị đầu tư trong năm 2014 đạt 12.826 triệu đồng, cụ thể như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá
Hội Trường Khu C - 1004 ẤU CƠ	2.439.665.741
Tòa nhà ẤU CƠ 1004	2.990.000.000
Công trình - Văn phòng + Kho (cũ) Ấu Cơ	6.483.392.025
Máy móc, thiết bị chuyên dụng cho sản xuất	912.974.483
Tổng cộng	12.826.032.249

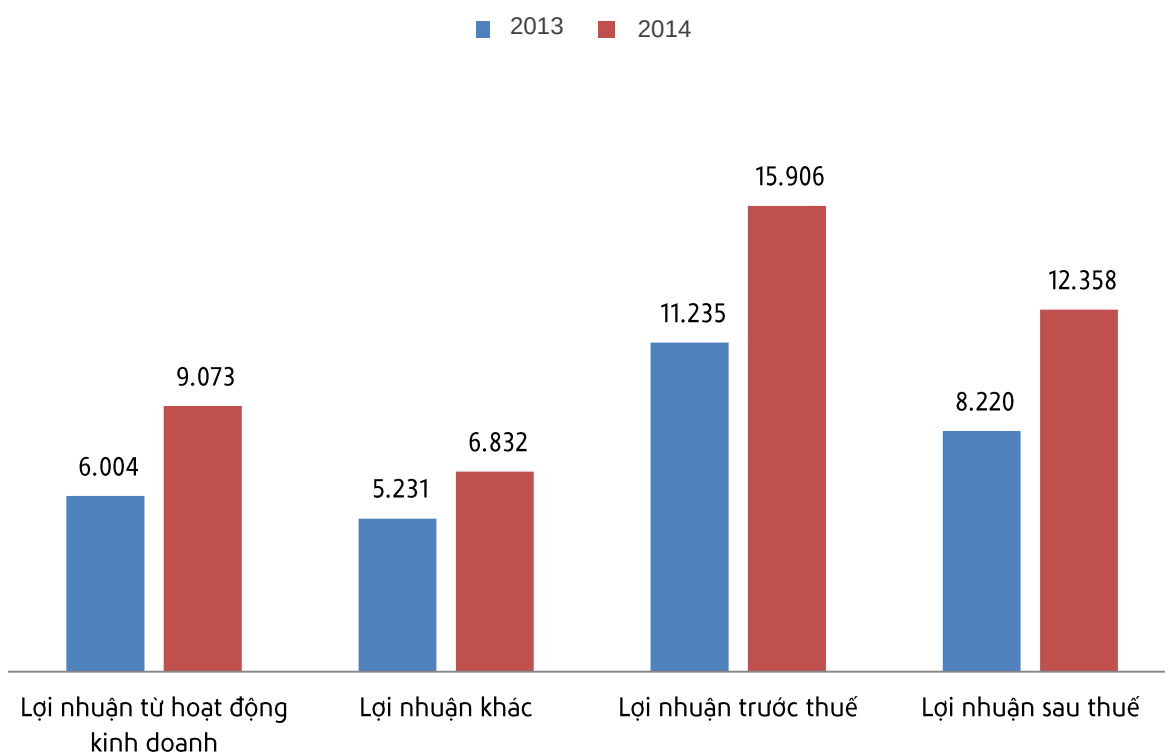


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2013	2014	Tăng / giảm 2014
Tổng tài sản	234.498	301.699	28,66%
Doanh thu thuần	374.833	433.648	15,69%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.004	9.073	51,12%
Lợi nhuận khác	5.231	6.832	30,61%
Lợi nhuận trước thuế	11.235	15.906	41,58%
Lợi nhuận sau thuế	8.220	12.358	50,34%

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng quan tình hình tài chính



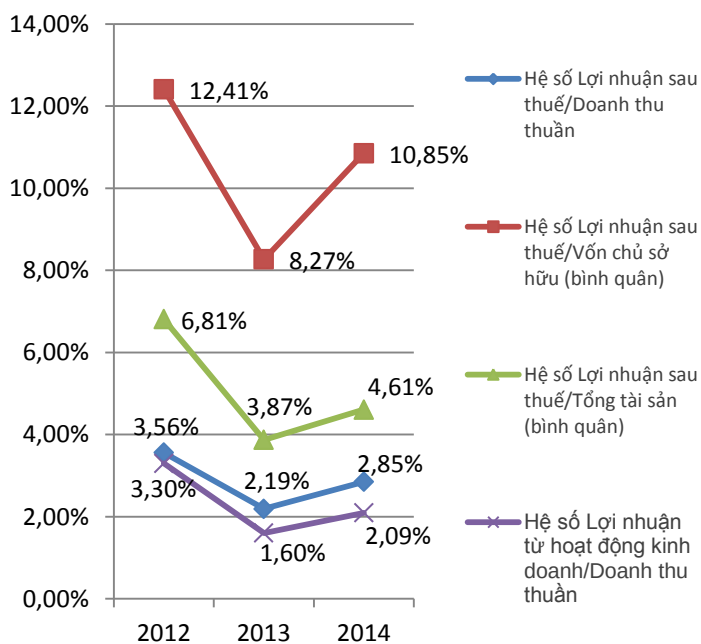
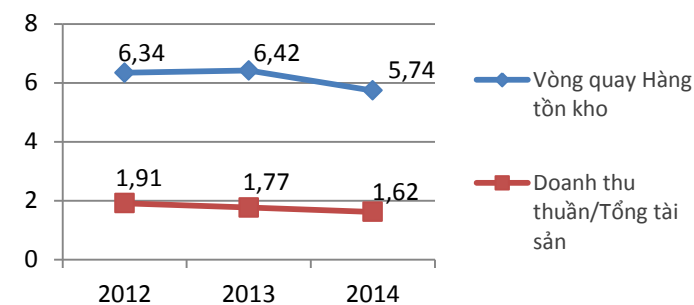
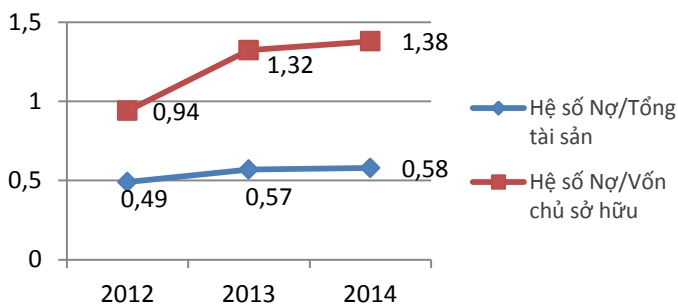
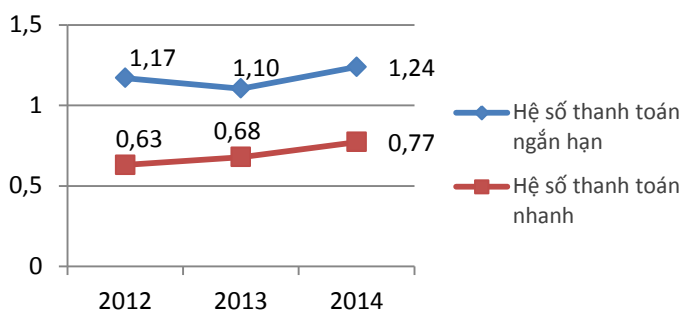
Có thể thấy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế năm 2014 đều tăng hơn 50% so với năm 2013 mặc dù tổng doanh thu thuần chỉ tăng ở mức 15,69%. Điều đó cho thấy, trong năm doanh nghiệp đã thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát giá vốn nguyên liệu đầu vào và các loại chi phí khác.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu tài chính	2013	2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,10	1,24
Hệ số thanh toán nhanh	0,68	0,77
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,32	1,38
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	6,42	5,74
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,77	1,62
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,19%	2,85%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	8,27%	10,85%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	3,87%	4,61%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,60%	2,09%





Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2014 đạt 1,24, tăng nhẹ so với mức 1,10 năm 2013 thể hiện mức độ cải thiện của Công ty trong việc điều tiết giữa sản xuất và tiêu thụ. Hệ số thanh toán ngắn hạn qua các năm vẫn đạt trên 1, đảm bảo khả năng thanh toán an toàn của doanh nghiệp. Ngoài ra, hệ số thanh toán nhanh cũng được cải thiện so với năm 2013 cho thấy doanh nghiệp đã duy trì hàng tồn kho hợp lý nhằm vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định vừa tránh gây tổn kém chi phí.

Cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn năm 2014 vẫn duy trì tương đương với mức năm 2013. Tổng nợ năm 2014 chiếm 58% trên tổng nguồn vốn, đây mà mức độ an toàn và hợp lý nếu so sánh với các công ty cùng ngành.

Năng lực hoạt động

Tỷ lệ tăng hàng tồn kho năm 2014 cao hơn so với tỷ lệ tăng của giá vốn hàng bán, dẫn đến vòng quay hàng tồn kho năm 2014 giảm từ 6,42 xuống mức 5,74. Bên cạnh đó, tổng tài sản doanh nghiệp trong năm tăng nhiều hơn so với doanh thu thuần, vì thế vòng quay tài sản Công ty cũng giảm nhẹ so với năm 2013, đạt mức 1,44.

Khả năng sinh lời

Nhìn chung tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của công ty trong năm 2014 đều tăng so với 2013, trong đó lợi nhuận sau thuế biên đạt 2,85%, ROE, ROA lần lượt là 10,85% và 4,61%. Đây là dấu hiệu rất khả quan trong tình hình khó khăn như hiện nay.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 5.583.200 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

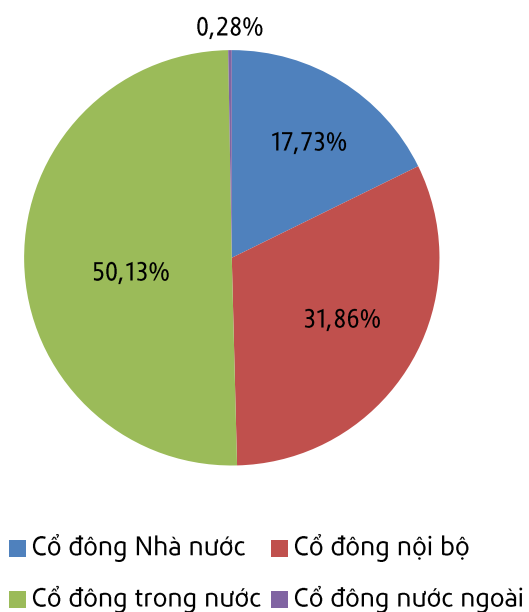
Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu			Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông Nhà nước	490.000	500.000	990.000	17,73%
II	Cổ đông nội bộ	1.772.665	6.375	1.779.040	31,86%
III	Cổ đông trong nước	2.782.010	16.700	2.798.710	50,13%
	Cá nhân	2.779.215	16.700	2.795.915	50,08%
	Tổ chức	2.795	-	2.795	0,05%
IV	Cổ đông nước ngoài	15.450	-	15.450	0,28%
	Cá nhân	13.900	-	13.900	0,25%
	Tổ chức	1.550	-	1.550	0,03%
	Tổng cộng	5.060.125	523.075	5.583.200	100%



Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ trên 5%)

STT	Tên nhà đầu tư	Số CMND	Số lượng CP nắm giữ (tính đến 31/12/2014)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Ngọc Châu	225196703	279.450	5,01%
2	CTCP Phát Triển Hùng Hậu	0309929580	1.305.000	23,37%
3	Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	0310745210	990.000	17,73%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty thực hiện phát hành ra công chúng với thông tin như sau:

- Số lượng CP trước phát hành: 3.850.000 CP
- Số lượng CP đã phát hành: 1.733.200 CP
- Số lượng CP đang lưu hành: 5.583.200 CP
- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/03/2014
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (Người sở hữu 02 cổ phiếu được mua 01 cổ phiếu mới phát hành thêm)
- Hình thức phát hành: Phát hành ra công chúng

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

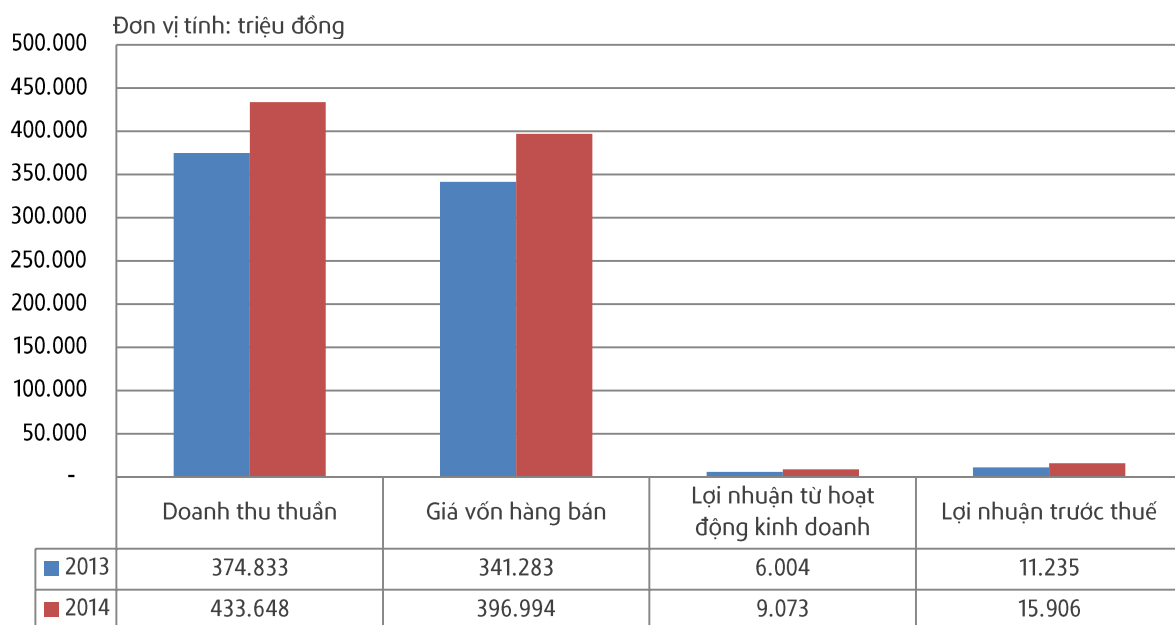
Cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

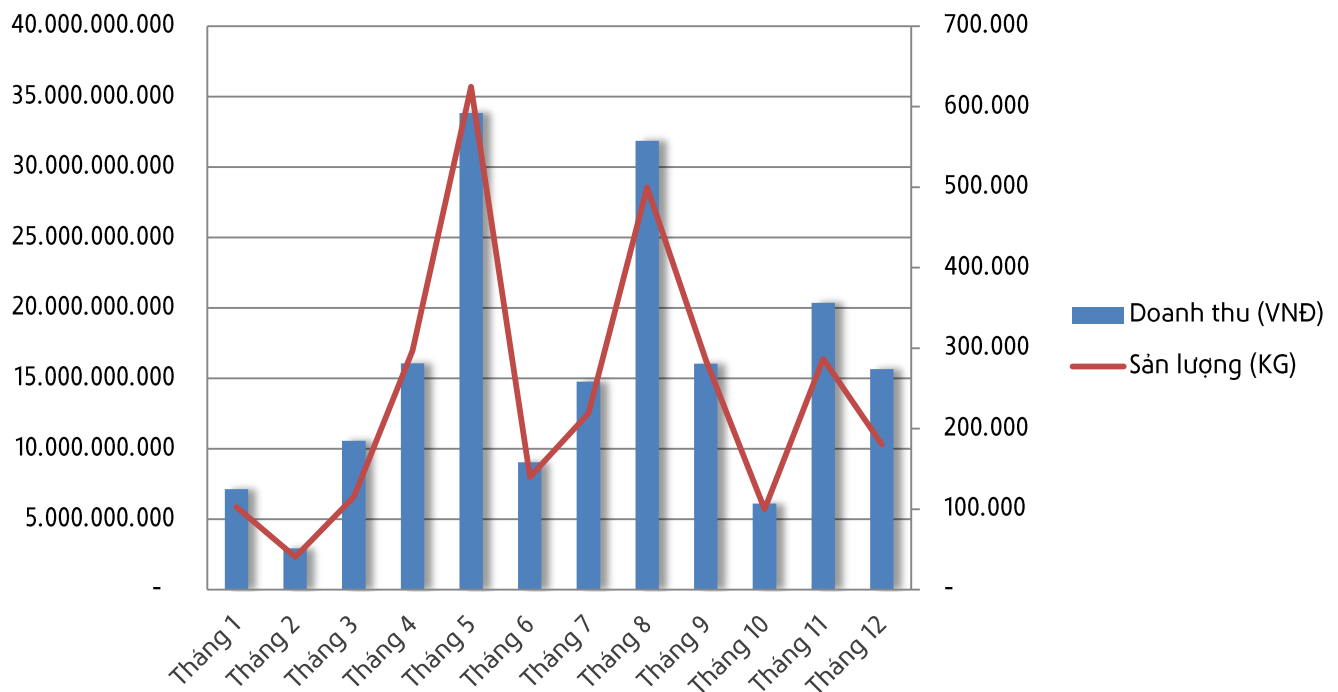
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	2013	2014	Tăng / giảm 2014
Doanh thu thuần	374.833	433.648	15,69%
Giá vốn hàng bán	341.283	396.994	16,32%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.282	3.822	198,13%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	28.828	31.403	8,93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.004	9.073	51,12%
Thu nhập khác	5.277	7.415	40,52%
Chi phí khác	46	582	-
Lợi nhuận khác	5.231	6.833	30,63%
Lợi nhuận trước thuế	11.235	15.906	41,58%
Lợi nhuận sau thuế	8.220	12.358	50,34%
EPS	2.136	2.597	21,58%

Đơn vị tính: triệu đồng

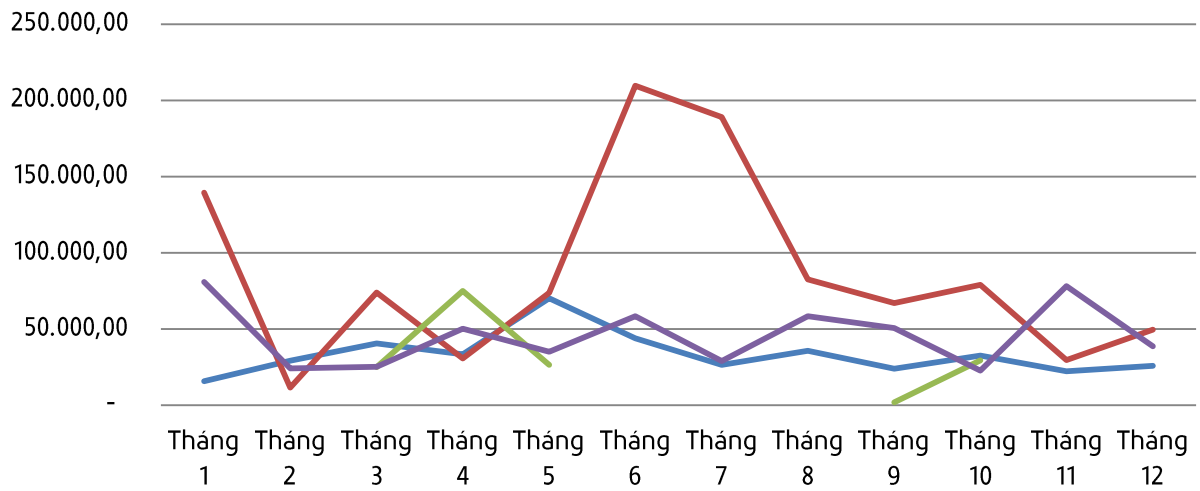


Doanh thu và sản lượng kinh doanh nội địa 2014

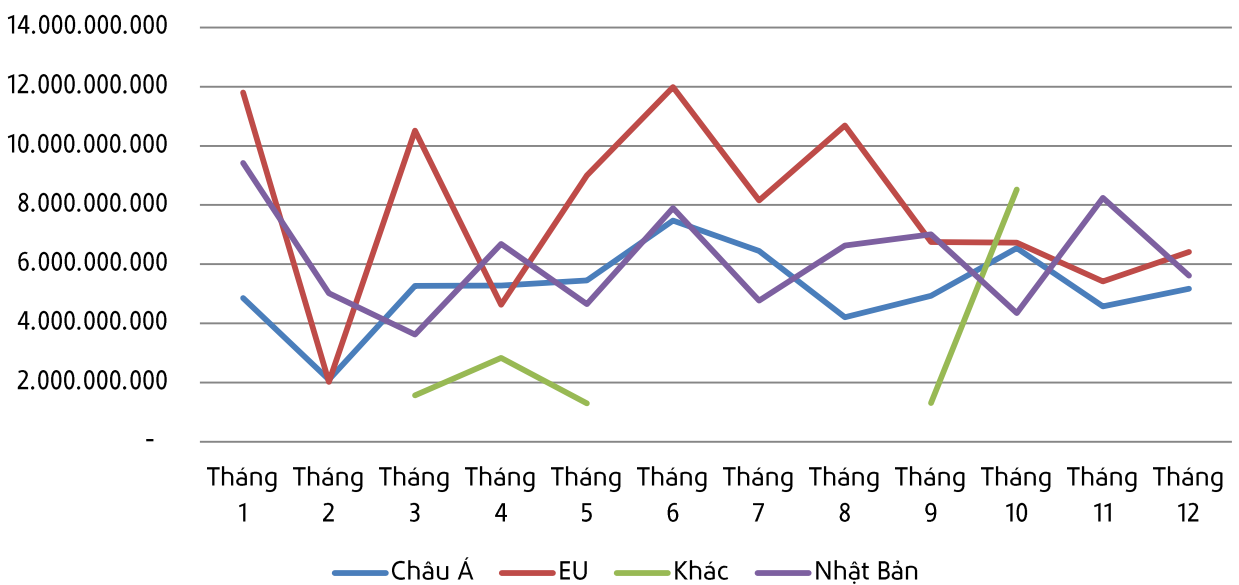


Tình hình kinh doanh ở thị trường nội địa trong năm 2014 chuyển động thất thường, liên tục tăng giảm theo nhiều giai đoạn trải đều suốt 12 tháng. Có thể thấy tương quan giữa doanh thu và sản lượng tương đối đồng đều. Tháng 5 là thời điểm nổi bật nhất trong năm khi cả doanh thu và sản lượng đều tăng vượt trội so với những tháng còn lại. Trong tháng 5, kinh doanh nội địa của Seajoco đạt 625 tấn thủy sản (chiếm 21,6% tổng sản lượng nội địa cả năm), thu về doanh thu 33,8 tỷ đồng (chiếm 18,4% tổng doanh thu nội địa trong năm). Điểm sáng thứ hai trong năm là tháng 8, đạt 500 tấn sản lượng (chiếm 17,3%) và 31,9 tỷ đồng doanh thu (chiếm 17,3%). Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng đột biến về cả doanh thu và sản lượng trong hai tháng này là do vào thời điểm này, một số công ty thành viên khác của Hùng Hậu Group ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu giá trị lớn, nhưng lại không đủ khả năng sản xuất đủ lượng hàng cần thiết để xuất khẩu; vì thế các công ty này thu mua lại nhiều mặt hàng từ Seajoco. Tuy là hàng được xuất khẩu ra nước ngoài, nhưng đối với công tác ghi nhận sản lượng và doanh thu của Seajoco thì vẫn được tính cho thị trường nội địa. Một nguyên nhân phụ khác là do các mặt hàng nội địa của Seajoco chủ yếu được tiêu thụ tại các chuỗi nhà hàng hoặc siêu thị. Hai thời điểm này trong năm trùng với các dịp lễ lớn của đất nước, từ đó dẫn đến nhu cầu tiêu thụ trong năm tăng đột biến so với những tháng khác trong năm.

Sản lượng xuất khẩu



Doanh thu xuất khẩu



Thị trường EU tiếp tục là thị trường xuất khẩu chính và lớn nhất của Seajoco, chiếm ưu thế cả về sản lượng và doanh thu xuất khẩu, cụ thể sản lượng xuất khẩu đi thị trường Châu Âu chiếm 47% tổng sản lượng xuất khẩu và doanh thu từ thị trường Châu Âu chiếm 38% tổng doanh thu xuất khẩu trong năm. Có thể thấy trong năm có những khoảng thời gian tương quan giữa sản lượng và doanh thu xuất khẩu không đồng đều nhau, nguyên nhân chính là do sự khác nhau về giá trị từng mặt hàng xuất khẩu. Những mặt hàng xuất khẩu với sản lượng lớn nhưng giá trị sản phẩm thấp vẫn đem về doanh thu ít hơn so với những mặt hàng xuất khẩu sản lượng nhỏ nhưng giá trị thành phẩm cao. Bên cạnh đó, yếu tố tỷ giá thường xuyên thay đổi cũng phần nào tác động đến công tác ghi nhận doanh thu xuất khẩu. Có thể dễ dàng nhận thấy tại hai thời điểm tháng 3 và tháng 7, khi tương quan giữa sản lượng và doanh thu xuất khẩu đi theo hai xu hướng hoàn toàn khác nhau.

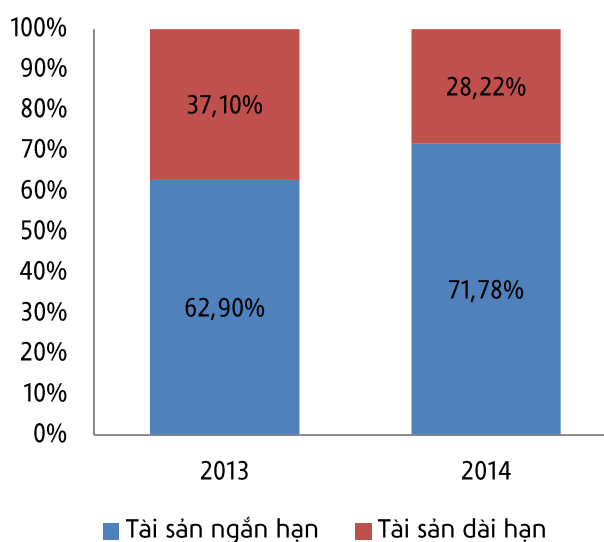
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

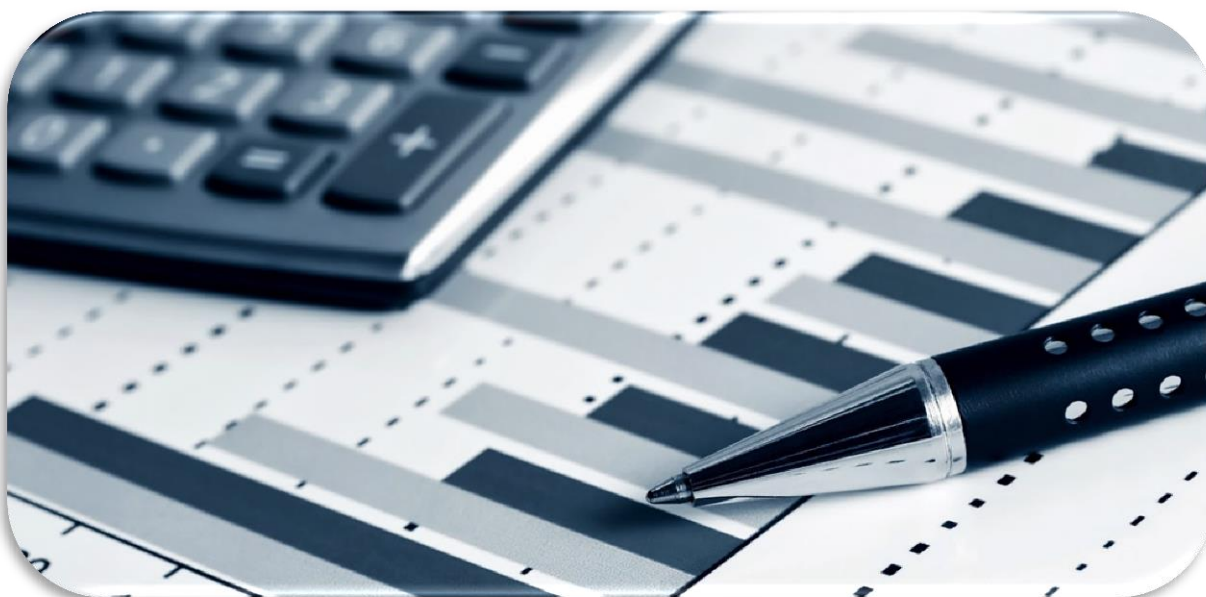
	2013	2014	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	147.510	216.548	46,80%
Tài sản dài hạn	86.988	85.151	-2,11%
Tổng tài sản	234.498	301.699	28,66%

Tài sản ngắn hạn năm 2014 tăng 46,8% so với năm 2013. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng nhiều trong năm 2014, đặc biệt là khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản phải thu của khách hàng cũng đặc biệt tăng nhiều, cụ thể tăng 29,97 tỷ, tương ứng tăng 65,08%. Năm 2014 cũng phát sinh thêm phải thu như phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và phải thu lãi cho vay. Hàng thành phẩm tồn kho có giá trị hơn 39 tỷ đồng do điều kiện thành phẩm tồn kho không được thấp hơn 1,5 triệu USD dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (chi nhánh Hà Nội).



Mặt khác, tài sản dài hạn trong năm lại giảm 2,11% so với cùng kỳ do các khoản chi phí trả trước dài hạn (chi trả cho sửa chữa, dụng cụ) và tiền cho nhân viên vay để mua cổ phần đều giảm.

Như vậy, xu hướng sử dụng nhiều tài sản ngắn hạn của Công ty vẫn được giữ nguyên trong năm 2014. Tổng kết năm 2014, tỷ trọng tài sản ngắn hạn là 71,78% và tài sản dài hạn là 28,22% trên tổng tài sản.

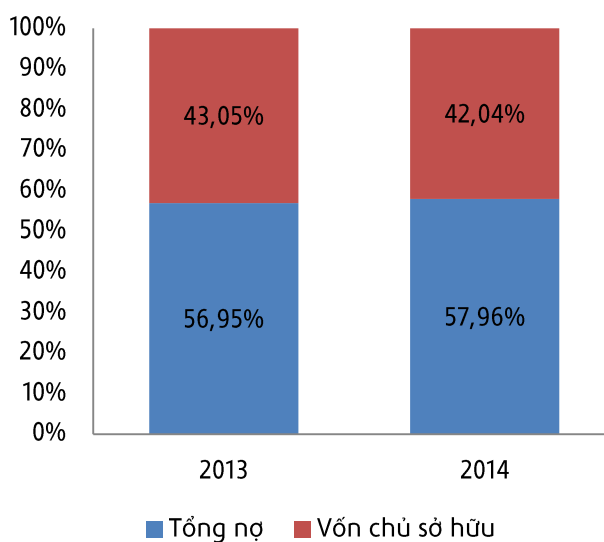


Cơ cấu vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

	2013	2014	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	133.544	174.870	30,95%
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng nợ	133.544	174.870	30,95%
Vốn chủ sở hữu	100.954	126.829	25,63%
Tổng nguồn vốn	234.498	301.699	28,66%

Công ty vẫn hoạt động theo nguyên tắc không sử dụng nợ dài hạn như các năm trước. Cơ cấu sử dụng nợ và vốn chủ sở hữu hầu như vẫn được giữ nguyên, tỷ trọng thay đổi không quá nhiều. Tỷ lệ tăng của nợ ở mức 30,95%, cao hơn mức tăng của vốn chủ sở hữu (25,63%) nên đã đẩy tỷ trọng nợ trên cơ cấu tổng nguồn vốn tăng 1,1% so với năm trước. Năm 2014, để tăng vốn lưu động, Công ty đã vay thêm các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng Vietcombank, ACB và Sacombank. Công ty cũng được trả tiền trước từ các hợp đồng ký kết với Seafood Connection B.V và China Lucky Trading Ltd. Vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu là do Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng lên tổng số 5.583.200 cổ phiếu.



CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Cải tiến cơ cấu tổ chức

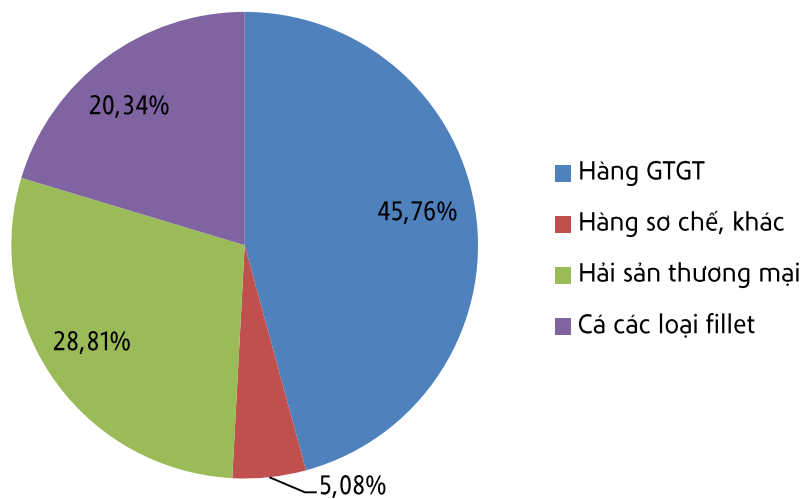
Năm 2014, Ban lãnh đạo Seajoco đưa ra quyết định thay đổi cơ cấu bộ máy quản lý, các phòng ban được sáp nhập lại với nhau, kiêm nhiệm nhiều chức năng; góp phần làm gọn cơ cấu tổ chức Công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2014	KH 2015/TH 2014
Doanh thu thuần	Triệu đồng	530.000	433.648	122,22%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	471.342	396.994	118,73%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	14.808	9.073	163,21%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	19.428	15.905	122,15%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.154	12.357	122,63%

Kế hoạch 2015

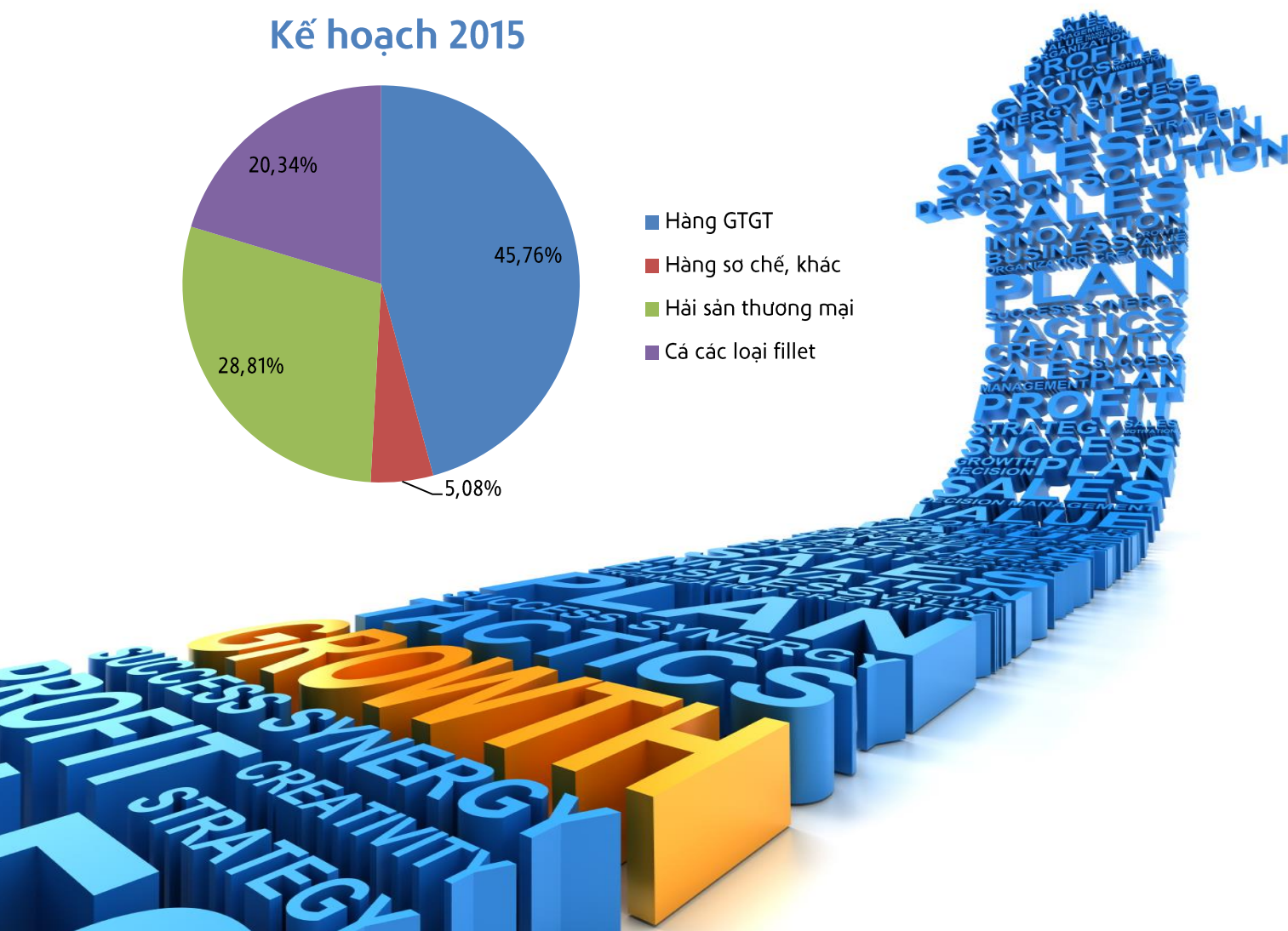
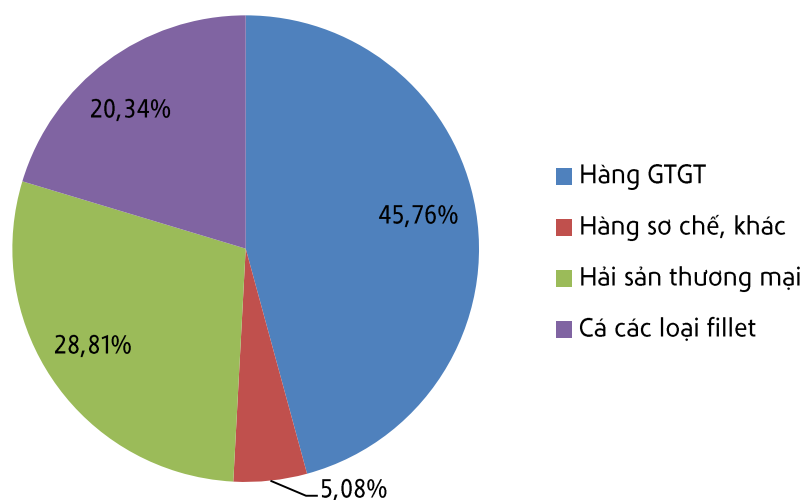


KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chi tiết kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2014	KH 2015/TH 2014
Doanh thu thuần	Triệu đồng	530.000	433.648	122,22%
Trong đó: kim ngạch xuất khẩu hàng GTGT	Triệu USD	16,5	11,7	141,03%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	471.342	396.994	118,73%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	14.808	9.073	163,21%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	4.620	6.832	67,62%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	19.428	15.905	122,15%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.154	12.357	122,63%

Kế hoạch 2015



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Giải pháp thực hiện

Nhằm đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cho năm 2015, Ban điều hành đề ra các giải pháp như sau:

Công tác kinh doanh

Triển khai cam kết hoàn thành mục tiêu doanh số của từng thành viên trong đội ngũ bán hàng.

Chú trọng công tác triển khai các kênh bán hàng, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác mới tại các thị trường Seajoco đã xây dựng được uy tín, thương hiệu.

Công tác sản xuất

Đầu tư máy móc, thiết bị chuyên dụng nhằm thay thế lượng lao động, tăng năng suất sản xuất, tiết kiệm định mức, tiết kiệm chi phí.

Xây dựng đơn giá lương sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực cho đội ngũ công nhân

Tiếp tục phát động phong trào thực hành tiết kiệm và hợp lý quy trình sản xuất để giảm tỷ lệ vật tư tiêu hao, giảm tỷ lệ phế phẩm và giá thành. Qua đó sẽ tạo được vị thế cạnh tranh, góp phần ổn định sản xuất.

Công tác Hành chính nhân sự

Triển khai phương án đào tạo, tuyển dụng lao động.

Tăng cường công tác cập nhật các cơ chế, chính sách tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chế độ chính sách mới ban hành và sửa đổi bổ sung cho phù hợp.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về tình hình chung

Tình hình kinh tế năm 2014 đã có nhiều chuyển biến tích cực, phần nào thúc đẩy ngành thủy sản nói chung và lĩnh vực xuất khẩu thủy sản nói riêng phát triển. Bên cạnh những thuận lợi cũng còn tồn tại rất nhiều khó khăn và thách thức đòi hỏi khả năng thích ứng và kinh nghiệm của các doanh nghiệp. Tuy vấp phải nhiều trở ngại trong hoạt động xuất khẩu, Seajoco vẫn giữ được mức tăng trưởng so với năm 2013. Tổng tài sản công ty năm 2014 tăng 28,66%, doanh thu thuần tăng 15,69% và điểm sáng là lợi nhuận trước thuế, tăng 41,58% so với cùng kỳ. Các chỉ số tài chính cơ bản, đặc biệt là khả năng thanh toán và khả năng sinh lời đều đạt mức tăng

trưởng đáng khích lệ. Mặt hàng xuất khẩu chính trong năm của Seajoco là cá, chiếm 52% tổng giá trị xuất khẩu. Tôm là mặt hàng chủ lực thứ hai, chiếm tỷ trọng 27%, giảm 3% so với năm 2013. Hai thị trường xuất khẩu chính vẫn là các nước EU và Nhật Bản, lần lượt chiếm 21,7% và 17% tổng doanh thu. Do tình hình xuất khẩu 2014 gặp nhiều khó khăn, cơ cấu doanh thu có xu thế tăng mạnh đối với việc kinh doanh nội địa, nhằm cân đối tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhìn chung cơ cấu tài sản và cơ cấu sử dụng nợ của công ty vẫn giữ nguyên xu hướng như các năm trước, chỉ thay đổi một khoản nhỏ không đáng kể.

Về công tác tổ chức, quản lý

Thành phần Ban điều hành của công ty trong năm được thay đổi nhằm mục đích định hướng đường đi đúng đắn và phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác thay đổi cán bộ nhân viên, đặc biệt là cán bộ quản lý cấp cao và lãnh đạo các bộ phận cũng được thay đổi để phù hợp với đường lối và định hướng hoạt động chung của Công ty.

Về nghiên cứu, phát triển sản phẩm

Công ty vẫn luôn coi trọng công tác nghiên cứu thị trường, luôn luôn đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, các sản phẩm mới thường xuyên được đưa ra thị trường để phù hợp với thị hiếu luôn thay đổi của người tiêu dùng.

Về phát triển thị trường

SJ1 tích cực tham gia các hội chợ trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm tối đa cơ hội tiếp cận thị trường và khách hàng mới. Công tác nghiên cứu và tìm hiểu thị trường vẫn luôn được thường xuyên theo dõi và cập nhật.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty cổ phần Thủy sản Số 1 hoạt động trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh thủy sản, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới. Ban Tổng giám đốc công ty là thành phần cốt cán, trực tiếp điều hành, lãnh đạo và định hướng cho mọi hoạt động của Công ty. Thành tích của Ban Tổng Giám đốc được thể hiện cụ thể qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên tinh thần vì lợi ích chung của Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đã có những trao đổi, góp ý thẳng thắn và mang tính xây dựng với Ban Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và của ngành thủy sản nói riêng. Theo đó, Ban Giám Đốc đã thể hiện sự quyết tâm, chủ động, linh hoạt trong điều hành, giúp tập thể Seajoco vững bước vượt qua từng khó khăn và tin tưởng vào triển vọng phát triển ổn định trong tương lai. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban Giám Đốc thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng và quyền hạn đã được quy định.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2014, ngành thủy sản Việt Nam nói chung và Seajoco nói riêng đã nắm bắt cơ hội để ổn định và phát triển, tuy nhiên khó khăn và thách thức từ hoạt động xuất khẩu cũng như hoạt động kinh doanh nội địa ngày càng tăng lên, đòi hỏi doanh nghiệp cần nỗ lực không ngừng, kịp thời đề ra các biện pháp đón đầu xu thế và thích nghi với tình hình thực tế.

Mặt hàng tôm xuất khẩu của Seajoco trong năm 2014 mặc dù vẫn là mặt hàng chủ đạo nhưng tỷ trọng giảm so với 2013. Nắm bắt tình hình thủy sản thế giới, Trung Quốc và Thái Lan đều bị giảm sản lượng tôm đến 50%, dự báo khó có thể phục hồi kịp trong năm 2015. Nhận định cho thấy nếu được quan tâm và đầu tư đúng mực, mặt hàng tôm trong năm 2015 có rất nhiều cơ hội để gia tăng giá trị sản xuất và xuất khẩu. Việc ra đời của Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản và hỗ trợ ngư dân năm 2015 là điều kiện thuận lợi để tập thể Seajoco kết hợp với ngư dân đẩy mạnh công tác khai thác, tăng sản lượng và chất lượng thủy sản.

Seajoco là một thương hiệu đã tạo dựng được uy tín ở các thị trường khó tính. Vì thế, Ban quản trị Công ty quyết định doanh nghiệp sẽ vẫn đi theo thể mạnh của mình là kinh nghiệm chế biến và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ các nguyên liệu thủy sản. Với điều kiện thuận lợi từ việc kí kết Hiệp định TPP và FTA với một số nước sẽ giúp tạo điều kiện tốt cho hoạt động xuất khẩu sang các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ... Thêm vào đó là dự báo tình hình thị trường Mỹ trong năm tới sẽ có những chuyển biến khả quan. Chỉ số niềm tin tiêu dùng tăng và giá trung bình nhập khẩu sẽ giảm so với năm 2014. Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành theo dõi sát sao tình hình thực tế, cân nhắc việc xâm nhập sâu thị trường này trên cơ sở nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Mỹ được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2015. Hoạt động kinh doanh trong nội địa cũng được quan tâm đúng mực và tiến hành song song với các hoạt động xuất khẩu.

Hội đồng quản trị công ty tiếp tục áp dụng các giải pháp được đề ra đầu năm 2014 để thực hiện kế hoạch 2015:

- Nhóm tái cấu trúc Seajoco với các thành viên là nhân sự nòng cốt của Công ty tiếp tục kết hợp với các đơn vị tư vấn nhiều kinh nghiệm, tham vấn mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Tận dụng và khai thác tối đa các nguồn lực có sẵn từ nhân sự, máy móc, tài sản, công nghệ đến uy tín thương hiệu công ty... nhằm đem lại kết quả tối ưu nhất.
- Sử dụng nguồn nhân lực phù hợp để phụ trách lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng từ nguyên liệu thủy sản, luôn tìm tòi nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường; đồng thời củng cố và nâng cao chất lượng các mặt hàng truyền thống quen thuộc.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ngô Đức Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
3	Trần Đức Dũng	Thành viên	4/4	100%	
4	Nguyễn Tấn Bình	Thành viên	4/4	100%	
5	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	4/4	100%	
6	Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	4/4	100%	
7	Từ Thanh Phụng	Thành viên	3/4	75%	Trúng cử thành viên HĐQT ngày 26/04/2014

Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban về Phát triển nguồn nhân lực: Ông Trần Văn Hậu - Chủ tịch HĐQT là Trưởng ban

Tiểu ban về Lương thưởng: Ông Tôn Thất Diên Khoa - TV HĐQT độc lập là Trưởng ban

Tiểu ban về Chiến lược phát triển: Ông Nguyễn Tấn Bình - TV HĐQT độc lập là Trưởng ban

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2014, nền kinh tế trong nước và trên thế giới đang có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn đó nhiều khó khăn và thách thức. Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ cùng Ban Tổng giám đốc đưa ra các giải pháp chiến lược kinh doanh đúng đắn, phù hợp nhằm tăng doanh thu và kịp thời phát hiện các thiếu sót để khắc phục, tạo đà phát triển bền vững và ngày càng khẳng định thương hiệu trên thị trường. Các hoạt động cụ thể như sau:

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 26/04/2014.

- Thực hiện thành công việc thanh toán cổ tức năm 2013 là 17% bằng tiền mặt cho các cổ đông.

- Thực hiện thành công việc Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án phát hành cổ phiếu của công ty.

- Đã thay đổi Người đại diện theo Pháp luật (thay đổi lần thứ 13), Vốn điều lệ (thay đổi lần thứ 14) trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ Công ty.

- Kiểm tra và theo dõi việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết trong năm

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung cuộc họp
Số 24/NQ-HĐQT	17/03/2014	- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014. - Thông qua việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT và BKS.
Số 01/NQ-ĐHĐCĐ	26/04/2014	- Thông qua Báo cáo HĐQT về hoạt động kinh doanh năm 2013 và kế hoạch năm 2014. - Thông qua báo cáo hoạt động BKS năm 2013. - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013. - Thông qua Tờ trình giảm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2013. - Thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013. - Thông qua tờ trình thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2014. - Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) được thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2014. - Thông qua việc Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo Pháp luật và thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ của Công ty. - Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010 – 2014. - Thông qua việc Thôi nhiệm Thành viên BKS là Ông Từ Thanh Phụng và Bầu bổ sung một Thành viên BKS nhiệm kỳ 2010 – 2014. - Thông qua việc Ông Từ Thanh Phụng tham gia vào Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010 – 2014. - Thông qua việc Bà Huỳnh Thanh tham gia vào Thành viên BKS nhiệm kỳ 2010 – 2014.
Số 25/NQ-HĐQT	16/06/2014	- Chấp thuận Đơn xin thôi nhiệm của Ông Trần Đức Dũng - Tổng Giám Đốc, vì lý do cá nhân. - Thống nhất thông qua việc Bỏ nhiệm Ông Từ Thanh Phụng giữ chức vụ Tổng Giám Đốc kể từ ngày 16/06/2014. - Chấp thuận Đơn xin thôi nhiệm của Ông Huỳnh Minh Tâm - Kế Toán Trưởng, vì lý do cá nhân. - Thống nhất thông qua việc Bỏ nhiệm Bà Dư Thiện Minh Trang giữ chức vụ Kế Toán Trưởng kể từ ngày 16/06/2014.
Số 26/NQ-HĐQT	23/10/2014	- Thống nhất thông qua việc lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua phương án phát hành cổ phiếu của Công ty như sau: + Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu. + Phát hành cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên Công ty.
Số 02/NQ- ĐHĐCĐ	24/12/2014	- Bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu cho CBCNV và các vấn đề liên quan.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập góp phần cân bằng lợi ích giữa các nhóm cổ đông lớn, cổ đông nhà nước và quyền lợi của người lao động. Theo đó, giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định, phát triển bền vững

Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Các tiểu ban về Phát triển nguồn nhân lực, Lương thưởng, Chiến lược phát triển: thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ về Quản trị công ty

Hiện nay các thành viên của Hội đồng quản trị chưa có các chứng chỉ về Quản trị công ty do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Bà Huỳnh Thanh	Trưởng BKS
2	Bà Lại Thị Giáo	Thành viên BKS
3	Ông Trần Văn Thắng	Thành viên BKS

Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2014, Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp (1 Quý/lần). Để thực hiện nhiệm vụ theo quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban.

Ban kiểm soát đã đề ra phương thức hoạt động, trong quá trình hoạt động các thành viên theo chức năng nhiệm vụ được phân công luôn bám sát quy chế và điều lệ để thực thi nhiệm vụ

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2014:

- Lần 1: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2014.
- Lần 2: Báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh Quý II/2014 và 6 tháng đầu năm 2014.
- Lần 3: Báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh Quý III/2014 và 9 tháng đầu năm 2014.
- Lần 4: Báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh Quý IV/2014.

Đánh giá của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát trong năm đã tiến hành kiểm tra các báo cáo tài chính của công ty. Qua đó nhận xét các bản báo cáo tài chính của công ty trong năm đã phản ánh chính xác và trung thực tình hình tài chính cân đối kế toán, kết quả kinh doanh và dòng tiền lưu chuyển của công ty. Công ty đã đảm bảo thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin theo các văn bản pháp luật quy định và không để xảy ra bất kì sai sót nào.
- Ban kiểm soát đánh giá cao Hội đồng quản trị và ban điều hành đã theo sát quá trình hoạt động của công ty, đồng thời đưa ra những giải pháp hợp lý và hiệu quả để phấn đấu thực hiện theo đúng những chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Ban điều hành đã luôn phối hợp tốt với Hội đồng quản trị trong việc phản ứng nhanh chóng và kịp thời giải quyết những vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, tận dụng cơ hội thị trường để đảm bảo thực hiện mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao phó.
- Công tác điều hành hoạt động của công ty đã thực hiện đúng theo Điều lệ công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được thông qua với Ban kiểm soát.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD

Thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2014 là 3% lợi nhuận sau thuế. Thuế thu nhập cá nhân phát sinh, cá nhân tự đóng.

Mức thưởng cho Ban điều hành năm 2014 là 3% lợi nhuận sau thuế. Thuế thu nhập cá nhân phát sinh, cá nhân tự đóng.

(Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2014 của CTCP Thủy Sản Số 1)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014

Ý kiến cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0230/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thủy sản số 1, được lập ngày 21 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản số 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.548.264.559	147.510.416.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.682.268.212	1.916.469.905
1. Tiền	111		5.682.268.212	1.916.469.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	19.000.000.000	14.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.259.018.056	66.466.446.245
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	76.023.762.336	46.051.995.539
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	29.498.401.788	20.211.300.662
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	736.853.932	203.150.044
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		81.558.967.437	56.823.928.413
1. Hàng tồn kho	141	V.6	81.558.967.437	56.823.928.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.048.010.854	8.303.571.920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	262.361.871	250.059.268
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.745.648.983	7.761.653.276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	231.859.376
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	40.000.000	60.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.150.765.101	86.987.527.967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		189.747.500	240.520.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.9	189.747.500	240.520.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83.012.327.884	83.074.838.710
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	66.474.638.591	66.316.311.982
<i>Nguyên giá</i>	222		93.376.354.686	91.786.057.442
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.901.716.095)	(25.469.745.460)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.130.636.298	14.477.151.442
<i>Nguyên giá</i>	228		15.430.874.495	15.430.874.495
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.300.238.197)	(953.723.053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	2.407.052.995	2.281.375.286
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		225.500.000	225.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	225.500.000	225.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.723.189.717	3.446.669.257
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.723.189.717	3.446.669.257
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		301.699.029.660	234.497.944.450



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		174.870.481.112	133.543.813.535
I. Nợ ngắn hạn	310		174.870.481.112	133.543.813.535
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	138.014.158.658	104.093.333.788
2. Phải trả người bán	312	V.16	19.630.097.829	11.321.901.685
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1.154.270.684	270.728.404
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	4.963.634.409	2.109.765.564
5. Phải trả người lao động	315	V.19	6.059.589.295	6.258.852.272
6. Chi phí phải trả	316	V.20	492.756.440	4.917.873.098
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	4.449.681.371	4.242.191.270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	106.292.426	329.167.454
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.828.548.548	100.954.130.915
I. Vốn chủ sở hữu	410		126.828.548.548	100.954.130.915
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	55.832.000.000	38.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	29.463.642.688	26.076.197.233
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(10.100.000)	(10.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	11.576.641.178	11.165.626.926
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	4.675.305.496	4.264.291.244
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	25.291.059.186	20.958.115.512
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		301.699.029.660	234.497.944.450

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		140.306,98	41.277,15
Euro (EUR)		257,66	268,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015


Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập biểu


Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng


Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	435.675.511.022	375.915.283.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.027.052.800	1.082.305.616
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	433.648.458.222	374.832.977.924
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	396.994.025.221	341.283.224.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.654.433.001	33.549.753.872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.822.118.216	1.282.240.464
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.163.527.531	5.689.235.509
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.389.885.997	4.835.919.066
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.438.862.220	12.127.624.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.800.881.979	11.011.491.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.073.279.487	6.003.643.241
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.414.979.951	5.277.273.195
12. Chi phí khác	32	VI.8	582.453.838	46.274.184
13. Lợi nhuận khác	40		6.832.526.113	5.230.999.011
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.905.805.600	11.234.642.252
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	3.548.210.618	3.014.357.210
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.357.594.982</u>	<u>8.220.285.042</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.597</u>	<u>2.136</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015



Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập biểu



Đur Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng



Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.905.805.600	11.234.642.252
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	6.255.734.877	5.664.414.774
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	224.564.191	(41.301.005)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(1.816.366.775)	(1.167.617.881)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.389.885.997	4.835.919.066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.959.623.890	20.526.057.206
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.722.378.348)	(27.753.207.166)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.735.039.024)	(7.301.999.370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.428.686.850	5.174.643.073
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.711.176.937	375.823.893
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4, V.20	(7.200.129.557)	(4.835.919.066)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(4.137.697.600)	(2.816.091.490)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.22	(880.497.832)	(2.876.273.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.576.254.684)	(19.506.966.541)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, VII	(13.026.677.527)	(8.211.245.805)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.024.720.547	259.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(15.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	532.886.178	935.526.972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.469.070.802)	(14.016.627.924)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.23	20.719.445.455	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.100.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	410.718.658.617	395.326.076.277
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(377.096.988.696)	(357.139.888.488)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(6.527.787.000)	(3.834.486.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		47.813.328.376	34.341.601.289
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.768.002.890	818.006.824
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.916.469.905	1.098.463.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.204.583)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.682.268.212	1.916.469.905



Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập biểu



Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng



Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Bán buôn tổng hợp; Lắp đặt hệ thống điện; Chế biến và bảo quản rau quả; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 634 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 749 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm Công ty phát hành 1.733.200 cổ phiếu phổ thông nhằm bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.
Lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước do số lượng bán tăng và thu nhập từ cho thuê mặt bằng tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (44 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 - 08 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phân xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.075 VND/USD
31/12/2014 : 21.358 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Ấu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	60.473.460	859.409.006
Tiền gửi ngân hàng	5.621.794.752	1.057.060.899
Cộng	5.682.268.212	1.916.469.905

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	19.996.796.386	5.755.484.318
Công ty TNHH Lotteria Việt Nam	2.790.486.600	2.667.987.080
BML Food Group Hollan B.V	2.306.397.025	4.150.194.375
Shokuryu Co., Ltd	2.444.547.282	-
Công ty TNHH Hùng Cá	-	653.326.025
Các khách hàng khác	48.485.535.043	32.825.003.741
Cộng	76.023.762.336	46.051.995.539

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Docifish	5.003.936.000	-
Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Hùng Hậu	6.483.392.025	-
Công ty TNHH Hoàn Kim	3.282.223.700	-
Công ty cổ phần Vạn Ý	-	4.635.900.000
Công ty TNHH kỹ thuật cơ điện M & E	-	224.264.000
Các nhà cung cấp khác	14.728.850.063	15.351.136.662
Cộng	29.498.401.788	20.211.300.662

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	386.500.043	203.000.000
Phải thu lãi cho vay	350.353.889	-
Phải thu khác	-	150.044
Cộng	736.853.932	203.150.044

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	38.478.935.631	36.941.198.351
Công cụ, dụng cụ	1.479.129.590	1.378.579.914
Thành phẩm	39.734.479.991	12.707.375.450
Hàng gửi đi bán	1.866.422.225	5.796.774.698
Cộng	81.558.967.437	56.823.928.413

Thành phẩm tồn kho với giá trị ghi sổ không thấp hơn 1.500.000 USD đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	183.271.028	57.063.332
Chi phí bảo hiểm	79.090.843	117.555.284
Công cụ, dụng cụ	-	8.157.939
Chi phí khác	-	67.282.713
Cộng	262.361.871	250.059.268

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nhân viên tạm ứng.

9. Các khoản phải thu dài hạn khác

Khoản cho nhân viên mượn để mua cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	51.540.940.388	33.341.966.484	4.723.450.698	2.179.699.872	91.786.057.442
Mua sắm mới	5.429.665.741	846.849.900	-	-	6.276.515.641
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	66.124.583	-	-	-	66.124.583
Thanh lý, nhượng bán	(3.442.106.540)	(418.000.000)	(892.236.440)	-	(4.752.342.980)
Số cuối năm	53.594.624.172	33.770.816.384	3.831.214.258	2.179.699.872	93.376.354.686
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.090.497.132	3.119.151.347	2.486.031.986	88.147.318	6.783.827.783
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.798.340.728	11.914.434.993	4.169.264.496	587.705.243	25.469.745.460
Khấu hao trong năm	2.036.077.867	3.243.143.337	205.347.048	424.651.481	5.909.219.733
Thanh lý, nhượng bán	(3.371.288.603)	(213.724.055)	(892.236.440)	-	(4.477.249.098)
Số cuối năm	7.463.129.992	14.943.854.275	3.482.375.104	1.012.356.724	26.901.716.095
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.742.599.660	21.427.531.491	554.186.202	1.591.994.629	66.316.311.982
Số cuối năm	46.131.494.180	18.826.962.109	348.839.154	1.167.343.148	66.474.638.591
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 67.499.630.165 VND và 49.710.766.900 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.147.774.495	283.100.000	15.430.874.495
Số cuối năm	15.147.774.495	283.100.000	15.430.874.495
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	932.957.578	20.765.475	953.723.053
Khấu hao trong năm	311.127.648	35.387.496	346.515.144
Số cuối năm	1.244.085.226	56.152.971	1.300.238.197
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.214.816.917	262.334.525	14.477.151.442
Số cuối năm	13.903.689.269	226.947.029	14.130.636.298
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.689.616.495 VND và 12.445.531.269 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	1.878.034.091	592.149.663	(66.124.583)	(115.226.180)	2.288.832.991
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	-	-	-	1.878.034.091
Xây dựng nhà tiền chế Củ Chi (nhà máy Tân Phú Trung)	-	526.025.080	-	(115.226.180)	410.798.900
Xây dựng thi công công hàng rào 1004	-	66.124.583	(66.124.583)	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	403.341.195	118.220.004	-	(403.341.195)	118.220.004
Cộng	2.281.375.286	710.369.667	(66.124.583)	(518.567.375)	2.407.052.995

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thủy sản Năm Căn	15.952	159.520.000	15.952	159.520.000
Công ty cổ phần bao bì thủy sản	6.598	65.980.000	6.598	65.980.000
Cộng		225.500.000		225.500.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	2.425.903.675	366.673.814	(1.403.362.618)	1.389.214.871
Công cụ dụng cụ	1.020.765.582	-	(686.790.736)	333.974.846
Cộng	3.446.669.257	366.673.814	(2.090.153.354)	1.723.189.717

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	89.754.199.719	65.995.595.002
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	33.370.308.976	38.097.738.786
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) ^(c)	7.091.089.963	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín ^(d)	7.798.560.000	-
Cộng	138.014.158.658	104.093.333.788



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).

^(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 01 năm (xem thuyết minh số V.2) và thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

^(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 01 năm (xem thuyết minh số V.2).

^(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất của bên thứ 03.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	104.093.333.788
Số tiền vay phát sinh	410.718.658.617
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	299.154.949
Số tiền vay đã trả	(377.096.988.696)
Số cuối năm	138.014.158.658

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại Đức Anh	2.801.061.910	329.466.144
Công ty TNHH thương mại Đông Gò	2.392.210.700	97.850.078
Công ty TNHH Hùng Cá	1.763.136.500	5.871.827.525
Công ty TNHH một thành viên thủy sản Diệp Nga	1.714.580.111	-
Doanh nghiệp tư nhân Tấn Lực	1.121.185.800	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc	42.322.720	239.644.377
Doanh nghiệp tư nhân Hải Đạt	-	389.273.850
Các nhà cung cấp khác	9.795.600.088	4.393.839.711
Cộng	19.630.097.829	11.321.901.685

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Seafood Connection B.V	801.543.314	-
China Lucky trading limited	352.727.370	-
Sun WAH Marine Products Co., Ltd	-	94.837.500
Các khách hàng khác	-	175.890.904
Cộng	1.154.270.684	270.728.404

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	266.111.711	(266.111.711)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.109.765.564	3.548.210.618	(4.137.697.600)	1.520.278.582
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(231.859.376)	642.722.838	(400.192.210)	10.671.252
Tiền thuê đất	-	4.908.469.455	(1.475.784.880)	3.432.684.575
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	1.877.906.188	9.382.664.325	(6.296.936.104)	4.963.634.409

(*) Thuế nộp thừa đầu năm được trình bày ở chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các mặt hàng xuất khẩu	0%
- Các mặt hàng đã qua sơ chế	05%
- Các mặt hàng đã qua chế biến và các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.905.805.600	11.234.642.252
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	310.786.841	499.154.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	(88.362.358)	(6.598.000)
Thu nhập tính thuế	16.128.230.083	11.727.198.553
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.548.210.618	2.931.799.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu từ các năm trước	-	82.557.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.548.210.618	3.014.357.210

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 412 m² đất, 1.849,2 m² đất và 12.685,2 m² đất đang sử dụng với mức lần lượt là 259.200 VND/m²/năm, 259.200 VND/m²/năm và 36.250 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiền thuê đất	303.000.000	4.917.873.098
Lãi vay	189.756.440	-
Cộng	492.756.440	4.917.873.098

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	197.915.302	181.725.042
Bảo hiểm xã hội	201.699.569	27.612.728
Cổ tức phải trả	50.066.500	32.853.500
Thu góp vốn hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.449.681.371	4.242.191.270

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	329.167.454
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	657.622.804
Chi quỹ	(880.497.832)
Số cuối năm	106.292.426

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 37.

Cổ tức

Trả cổ tức năm trước là 6.527.787.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.583.200	3.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.583.200	3.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.583.200	3.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.582.190	3.848.990
- Cổ phiếu phổ thông	5.582.190	3.848.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	435.675.511.022	375.915.283.540
Doanh thu bán thành phẩm	434.523.191.978	372.665.697.861
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.152.319.044	2.456.079.024
Doanh thu khác	-	793.506.655
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.027.052.800)	(1.082.305.616)
Hàng bán bị trả lại	(2.027.052.800)	(1.082.305.616)
Doanh thu thuần	433.648.458.222	374.832.977.924
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	432.496.139.178	371.583.392.245
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.152.319.044	2.456.079.024
Doanh thu khác	-	793.506.655

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của thành phẩm cung cấp. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	353.615.048.479	263.014.693.005
Chi phí nhân công trực tiếp	33.319.858.741	36.945.667.185
Chi phí sản xuất chung	33.155.870.069	34.091.808.990
Tổng chi phí sản xuất	420.090.777.289	334.052.169.180
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	420.090.777.289	334.052.169.180
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(23.096.752.068)	7.231.054.872
Cộng	396.994.025.221	341.283.224.052

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	702.614.621	901.928.972
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.350.111	21.237.743
Lãi cho vay	350.353.889	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	13.771.600	6.598.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	41.301.005
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	958.359.685	311.174.744
Lãi phải thu bán hàng trả chậm	1.784.668.310	-
Cộng	3.822.118.216	1.282.240.464

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.389.885.997	4.835.919.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	224.564.191	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.549.077.343	853.316.443
Cộng	9.163.527.531	5.689.235.509



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.066.523.947	4.888.303.286
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.466.778	82.334.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.130.376	134.451.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.080.383.557	4.872.741.108
Chi phí khác	2.126.357.562	2.149.793.671
Cộng	11.438.862.220	12.127.624.490

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.567.736.844	5.148.991.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.996.662	70.721.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.269.793.480	667.680.611
Thuế, phí và lệ phí	623.824.760	575.514.900
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.073.611.587	690.797.963
Chi phí khác	3.158.918.646	3.857.784.793
Cộng	10.800.881.979	11.011.491.096

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.024.720.547	259.090.909
Thu tiền bán phế liệu	45.374.545	124.304.632
Thu tiền cho thuê mặt bằng	5.204.159.440	3.942.092.186
Thu tiền khách hàng hỗ trợ	456.793.761	-
Thu nhập khác	683.931.658	951.785.468
Cộng	7.414.979.951	5.277.273.195

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	275.093.882	-
Chi phí cho thuê mặt bằng	128.645.418	46.274.184
Phạt do vi phạm hợp đồng	72.864.000	-
Chi phí khác	105.850.538	-
Cộng	582.453.838	46.274.184

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.357.594.982	8.220.285.042
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.357.594.982	8.220.285.042
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	4.758.920	3.848.990
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.597	2.136

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.848.990	3.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(1.010)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 6 năm 2014	909.930	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.758.920	3.848.990

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	356.459.588.856	266.418.979.753
Chi phí nhân công	52.050.445.515	57.760.686.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.255.734.877	5.664.414.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.805.429.603	14.967.134.027
Chi phí khác	12.759.322.637	12.380.069.959
Cộng	442.330.521.488	357.191.284.766

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	187.250	417.638.823
Trả trước cho người bán tiền mua tài sản cố định	6.483.392.025	224.264.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDKT-2008 ngày 06 tháng 6 năm 2008 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khu phức hợp SJ1 Plaza – Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp tại số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Công ty cam kết sẽ góp 23% tương đương 22.540.000.000 VND trong tổng vốn góp ban đầu của dự án là 98.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.470.382.339	1.562.412.417
Tiền thưởng	262.750.241	537.956.314
Cộng	1.733.132.580	2.100.368.731



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín với số dư nợ gốc tối đa là 7.800.000.000 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.15).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Hùng Cá	Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần thủy sản số 1 là Phó Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Hùng Cá
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần thủy sản số 1 là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hùng Cá		
Bán hàng	255.647.385	2.304.544.480
Mua hàng	16.537.367.900	80.986.470.568
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu		
Cho thuê mặt bằng	2.200.000.000	2.600.000.000
Phí lưu kho	6.325.143	132.567.517
Cung cấp hàng bán	55.983.932.117	3.462.748.394

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hùng Cá		
Phải thu tiền hàng	-	653.326.025
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu		
Phải thu tiền cung cấp hàng bán	17.796.796.386	5.755.484.318
	2.200.000.000	-
Cộng nợ phải thu	19.996.796.386	6.408.810.343
Công ty TNHH Hùng Cá		
Phải trả tiền hàng	1.763.136.500	5.871.827.525
Cộng nợ phải trả	1.763.136.500	5.871.827.525

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Ấu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	249.207.803.994	238.625.544.798
Trong nước	184.440.654.228	136.207.433.126
Cộng	433.648.458.222	374.832.977.924

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản.

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	483.226.640	483.226.640
Trên 01 năm đến 05 năm	1.932.906.560	1.932.906.560
Trên 05 năm	17.370.236.679	17.854.787.228
Cộng	19.786.369.879	20.270.920.428

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2000 đến năm 2056 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng tiền trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các nhân viên vay tiền mua cổ phiếu. Các cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	138.203.915.098	-	-	138.203.915.098
Phải trả cho người bán	19.630.097.829	-	-	19.630.097.829
Các khoản phải trả khác	4.353.066.500	-	-	4.353.066.500
Cộng	162.187.079.427	-	-	162.187.079.427
Số đầu năm				
Vay và nợ	104.093.333.788	-	-	104.093.333.788
Phải trả cho người bán	11.321.901.685	-	-	11.321.901.685
Các khoản phải trả khác	8.950.726.598	-	-	8.950.726.598
Cộng	124.365.962.071	-	-	124.365.962.071

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.306,98	257,66	41.277,15	268,58
Phải thu khách hàng	468.354,62	-	640.250,00	-
Vay và nợ	(3.869.724,46)	-	(3.196.598,21)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(3.261.062,86)	257,66	(2.515.071,06)	268,58

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.392.995.611 VND (năm trước giảm/tăng 1.060.102.452 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(55.364.583.642)	(3.869.724,46)	(36.725.026.512)	(3.196.598,21)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(55.364.583.642)	(3.869.724,46)	(36.725.026.512)	(3.196.598,21)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.107.291.673 VND (năm trước giảm/tăng 734.500.530 VND).

Rủi ro do biến động của lãi suất các khoản vay EUR đến lợi nhuận trước thuế của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (xem thuyết minh số V.2 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 14.000.000.000 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.682.268.212	-	1.916.469.905	-	5.682.268.212	1.916.469.905
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.000.000.000	-	14.000.000.000	-	19.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu khách hàng	76.023.762.336	-	46.051.995.539	-	76.023.762.336	46.051.995.539
Các khoản cho vay	189.747.500	-	240.520.000	-	189.747.500	240.520.000
Các khoản phải thu khác	736.853.932	-	203.150.044	-	736.853.932	203.150.044
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	225.500.000	-	225.500.000	-	225.500.000	225.500.000
Cộng	101.858.131.980	-	62.637.635.488	-	101.858.131.980	62.637.635.488

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	138.014.158.658	104.093.333.788	138.014.158.658	104.093.333.788
Phải trả người bán	19.630.097.829	11.321.901.685	19.630.097.829	11.321.901.685
Các khoản phải trả khác	4.542.822.940	8.950.726.598	4.542.822.940	8.950.726.598
Cộng	162.187.079.427	124.365.962.071	162.187.079.427	124.365.962.071

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

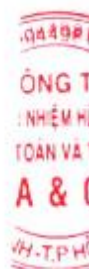
Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015


Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập biểu


Đur Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng


Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	38.500.000.000	26.076.197.233	-	10.578.159.306	3.676.823.624	19.055.194.474	97.886.374.637
Mua lại cổ phiếu	-	-	(10.100.000)	-	-	-	(10.100.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.220.285.042	8.220.285.042
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	587.467.620	587.467.620	(2.467.364.004)	(1.292.428.764)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(3.850.000.000)	(3.850.000.000)
Số dư cuối năm trước	38.500.000.000	26.076.197.233	(10.100.000)	11.165.626.926	4.264.291.244	20.958.115.512	100.954.130.915
Số dư đầu năm nay	38.500.000.000	26.076.197.233	(10.100.000)	11.165.626.926	4.264.291.244	20.958.115.512	100.954.130.915
Phát hành cổ phiếu	17.332.000.000	3.387.445.455	-	-	-	-	20.719.445.455
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.357.594.982	12.357.594.982
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	411.014.252	411.014.252	(1.479.651.308)	(657.622.804)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(6.545.000.000)	(6.545.000.000)
Số dư cuối năm nay	55.832.000.000	29.463.642.688	(10.100.000)	11.576.641.178	4.675.305.496	25.291.059.186	126.828.548.548

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2015



(Signature)

Dư Thiện Minh Trang
Kế toán trưởng

Từ Thanh Phụng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập biểu

11/21/2015 10:00 AM





Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hậu



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3974 1135 – 3974 1136

Số fax: (08) 3974 1280

Email: info@seajoco.vn

Website: www.seajoco.vn